

SỐ 22 - THÁNG 7 & 8 - 2016

GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

BAN MỤC VỤ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN



**“LÒNG
THƯƠNG XÓT
CHÚA
trái muôn
ngàn đời” ...tr.4**

**THỰC THI LÒNG THƯƠNG XÓT
ĐỂ PHỤC ÂM HÓA XÃ HỘI ...tr.26**

(Lưu hành nội bộ)

ĐÔI MẮT

" Chúa quay lại nhìn ông, ông nhớ lời Chúa đã bảo ông : Hôm nay, gà chưa kịp gáy thì anh đã chối thầy ba lần! Và ông ra ngoài, khóc lóc thảm thiết."
(LC 22: 61 - 62)

Đan Trình

P.K. 1. Tim đầu ra đôi mắt nhìn ta không giận
2. Tim đầu ra đôi mắt nhìn ta không u

1. hờn, mà yêu thương tha thứ những khi đời sa
2. sàu, mà trong như khe suối lắng lo phiền im

1. ngã? Tim đầu ra đôi mắt nhìn ta không hận
2. đậy? Tim đầu ra đôi mắt nhìn ta không che

1. thù, mà bao dung thương xót nâng đời ta đừng
2. đậy, mà lung linh chân lý soi đường lên Nước

1. lên?
2. Cha? Đ.K. Ôi đôi mắt ta chỉ thấy nơi Đức Chúa dịu

hiền Đấng hy sinh đời mình cứu chúng ta tội

lỗi. Ôi đôi mắt ta sẽ thấy nơi những ai yêu

người dám hy sinh cuộc đời chết đi trong nụ cười. Tim...

LÒNG THƯƠNG XÓT CÓ CHỖ ĐỨNG NÀO TRONG DÂN TỘC VIỆT NAM HÔM NAY KHÔNG?

Quý Độc Giả kính mến,

Gần như là hậu quả của những cuộc chiến liên tục, từ quyết tâm chống ngoại xâm phương Bắc để giành lại độc lập và chủ quyền đất nước, xua đuổi các nhà nước thuộc địa tham lam, tàn ác, cho đến thảm cảnh huynh đệ tương tàn trong cuộc đối đầu Quốc-Cộng, thế hệ người Việt hiện nay bằng nhiều phản ứng—trong ngôn từ cũng như trong hành động—trước mọi biến chuyển thời cuộc, đang chứng tỏ mình là nạn nhân và đồng thời là thủ phạm của bạo lực, bất khoan dung và vô cảm.

Chưa lúc nào người Việt lại nở lòng thẳng tay hành xử tàn nhẫn với đồng bào của mình—xem nhau như kẻ thù không đội chung trời— trong mọi lãnh vực của đời sống.

Nguyên nhân dẫn đến xung đột bao gồm từ va quệt khi đi lại trên đường, tranh giành quyền lợi kinh tế giữa cá nhân, gia đình, phe nhóm, cho đến khác khác biệt lý tưởng chính trị hay tôn giáo.

Không loại trừ có bàn tay quý quyết của ngoại bang xui nguyên giục bị, người Việt đang nhanh chóng quay lưng với truyền thống ngàn đời coi nhau như “đồng bào”, con cái của cùng một Mẹ Âu Cơ, như “bầu, bí” cùng cộng sinh trên dải giang sơn gấm vóc hình chữ “S” này, để hoặc tự ý làm thù trong, hoặc cộng tác với giặc ngoài mà tàn phá, hủy hoại chẳng những tài nguyên đất nước, mà còn cả gia sản văn hóa và tinh thần của dân tộc mình.

Tuy nhiên, còn có lý do để không tuyệt vọng. Dù nhiều nguyên nhân nguy hại khác nhau đang và sẽ còn công phá ngôi nhà truyền thống đạo đức của Tổ Tiên, người Việt, chúng ta quả quyết tuyên ngôn rằng: không thể nào truyền thống văn hóa lâu ngàn đời của Việt Nam lại dễ dàng bị thay thế và hủy diệt chỉ trong một thời gian không bằng một phần mười thời gian tích tụ và kết tinh rực rỡ trước kia.

Hơn nữa, dưới ánh sáng đức tin Ki-tô Giáo, hình ảnh cao quý của Thiên Chúa khắc họa trong mỗi con người, kèm các đức tính đặc trưng làm nên phẩm giá tuyệt

đẹp của thụ tạo chỉ xếp một chút ít sau các thiên thần,¹ như trí tuệ, tình yêu, lương tri và tự do—bất khả khuỵt để con người mãi xứng đáng là một nhân vị—² sẽ mãi còn tồn tại, bất tử cùng với hồn thiêng của con người.

Trân trọng gửi đến Quý Vị Niềm Hy Vọng đó, tuy mong manh giữa cơn giông bão cuồng dại của nhiều loại khủng hoảng hiện nay: kinh tế, chính trị, văn hóa và tâm linh—những hệ lụy tất yếu của thảm kịch tội lỗi—³ vẫn có nền tảng vững chắc của Thánh Kinh và Huấn Quyền về Ôn Cứu Sống Phổ Quát của Chúa Ki-tô, để triển nở thành một hiện thực trên quê hương Việt Nam dấu yêu.

Ban Biên Tập

¹ Xc Tv 8:6.

² Xc GHXHCG, các số 108, 109 và 114.

³ Xc GHXHCG, các số từ 115 đến 119.

“LÒNG THƯƠNG XÓT CHÚA TRẢI MUÔN NGÀN ĐỜI”

Lm. Giu-se Phan Tấn Thành, O.P.

DẪN NHẬP

Tôi xin bắt đầu với câu chuyện từ ngữ: “*thương xót*” là gì? Câu trả lời đơn giản nhất là: “*thương xót*” là danh từ tương đương với “*misericordia*” trong tiếng Latinh (*mercy* tiếng Anh). Thế nhưng có hai khó khăn được đặt lên liên quan đến việc dịch thuật. Một đằng, từ tiếng Latinh sang tiếng Việt: “*misericordia*” có thể chuyển dịch ra nhiều từ khác nhau; đằng khác, tiếng Latinh “*misericordia*” bắt nguồn từ nhiều từ ngữ khác nhau trong tiếng Hipri của Cựu ước và tiếng Hy-lạp của Tân ước. Như vậy, chúng ta gặp phải ba điểm khó khăn khi dịch thuật: từ tiếng Latinh sang tiếng Việt, và từ hai ngôn ngữ của Kinh Thánh sang tiếng Latinh.



1. Trước hết, từ tiếng Latinh sang tiếng Việt

Chúng ta hãy lấy vài thí dụ từ bản dịch Kinh Thánh của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Thánh vịnh 136[2] là một bài ca ngợi các kỳ công của Thiên Chúa trong lịch sử; sau mỗi câu xướng, cộng đoàn lặp lại điệp khúc: “*Quoniam in aeternum misericordia eius*”, được dịch là: “*muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương*”. Thánh vịnh 89 mở đầu bằng lời “*misericordias Domini in aeternum cantabo*”, được dịch là: “*Tình thương Chúa đời*

đòi con ca tụng”. Ở Thánh vịnh 103, 8: *“Miserator et misericors Dominus:longanimis, et multum misericors”*, được dịch là: *“Chúa là Đấng từ bi nhân hậu, Người chậm giận và giàu tình thương”*. Trong Thánh vịnh 130 (kinh Vực sâu): *“quia apud Dominum misericordia et copiosa eius redemptio”*, được dịch là: *“bởi Chúa luôn từ ái một niềm, ơn cứu chuộc nơi Người chan chứa”*. Thánh vịnh 51 mở đầu với lời cầu: *“Miserere mei Deus, secundum misericordiam tuam”*, được dịch là: *“Lạy Chúa, xin lấy lòng nhân hậu xót thương con”*. Câu 11 nổi tiếng của Thánh vịnh 85: *“Misericordia et veritas obviaverunt sibi: justitia et pax sese osculentur”*, được dịch là: *“Tín nghĩa ân tình nay hội ngộ, hòa bình công lý đã giao duyên”*.

Trong Tin Mừng Nhất Lãm, khi nói về các mối phúc, câu nói của Mt 5,7: *“Beati misericordes, qui ipsi misericordiam consequuntur”*, được dịch là: *“phúc thay ai xót thương người, họ sẽ được Thiên Chúa xót thương”*; và Mt 9,12: *“Misericordiam volui et non sacrificium”*, được dịch là: *“Ta muốn lòng nhân chứ không thích hy tế”*; còn câu nói Lc 6,36: *“Estote misericordes sicut et Pater misericors est”*, được dịch là: *“Anh em hãy tỏ lòng nhân từ như Cha anh em là Đấng nhân từ”*.

Mỗi ngày, phụng vụ ca tụng *“misericordia”* của Thiên Chúa qua hai bài thánh ca Tin Mừng *“Benedictus”* và *“Magnificat”*. Trong thánh ca giờ Kinh Sáng, từ *“misericordia”* được dịch hai cách khác nhau: *“ad faciendam misericordiam cum patribus nostris”*, được dịch là *“sẽ trọn bề nhân nghĩa với tổ tiên”*; còn *“per viscera misericordiae Dei nostri nos visitavit Oriens ex alto”*, được dịch là *“Thiên Chúa ta đầy lòng trắc ẩn, cho Vàng Đông từ chốn cao vời viếng thăm ta”*. Trong thánh ca giờ Kinh Chiều, cả hai lần *“misericordia”* thì lại đều được dịch là *“thương xót”*: *“Đời nọ tới đời kia, Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người... Chúa nhớ lại lòng thương xót dành cho tổ phụ Abraham”*.

Một thí dụ khác để kết thúc phần này. Trong kinh Lạy Nữ Vương, Đức Maria được kêu cầu như là *“mater misericordiae”*. Bản dịch cổ truyền là: *“Lạy Nữ Vương, Mẹ nhân lành”*; bản dịch của nhóm PVGK là: *“Kính chào Đức Nữ Vương, Bà là mẹ xót thương”*; bài ca quen thuộc của linh mục Kim Long là: *“Chúng con kính chào Nữ Vương Mẹ nhân ái”*. Cùng một từ *“misericordia”*, vậy mà có ba cách dịch khác nhau: *“nhân lành”*, *“xót thương”*, *“nhân ái”*, và dĩ nhiên cũng có thể dịch là *“Mẹ từ bi”*, như đầu đề của một số bài ca. Sau cùng, trong kinh *“mười bốn thương người”* thì được gọi là *“các việc từ thiện”*,[3] đang khi nguyên bản Latinh là *“opera misericordiae”*.

Tóm lại, tuy rằng từ *“misericordia”* quen dịch là *“thương xót”*, nhưng cũng có thể dịch là: *“từ bi”*, *“từ ái”*, *“từ thiện”*, *“nhân hậu”*, *“nhân từ”*, *“tình thương”*, *“trắc ẩn”*, *“lân tuất”*. Phải chăng các từ này có đồng nghĩa với nhau? Nếu chỉ dựa theo tầm nguyên, xem ra các ý nghĩa của các từ này không khác nhau cho lắm.[4] Nhưng đó mới chỉ là khái niệm sơ lược. Một câu hỏi được đặt ra: *“thương xót”* khác với *“tình thương”* ở chỗ nào? Chúng ta sẽ trở lại với vấn đề này khi phân tích các bản văn Kinh Thánh.

2. Tiếng Latinh

Trong tiếng Latinh, *“misericordia”*, thường được giải thích theo tầm nguyên là ghép bởi *“miserum”* và *“cor”*: trái tim xúc động trước nỗi khổ của người khác.[5] Tuy nhiên, trong Kinh Thánh, *“misericordia”* được dùng để dịch nhiều từ ngữ với ý nghĩa khác nhau trong tiếng Hipri và Hy-lạp.

a/. Tiếng Hipri, có hai từ chính: “*hesed*” và “*rachamim*”. “*Hesed*” bao hàm tình thương mang theo sự trung tín dựa trên một lời hứa, ra như có suy xét. “*Rachamim*”, trắc ẩn, cảm thông, dịu dàng, âu yếm, gắn với “*rechem*” (*bụng dạ, lòng ruột*), ra như muốn nêu bật tình cảm tự nhiên phát xuất từ liên hệ ruột thịt. Có thể ví hai từ này với hai thứ tình cảm, một bên là của cha, một bên là của mẹ; một bên căn cứ trên nghĩa vụ, một bên xuất phát từ bản tính.[6]

b/. Tiếng Hy-lạp có ba từ:

- “*éleos*”: diễn tả thái độ cảm thông (động từ *elein*, tỏ lòng thương xót; tính từ *eleêmon*, biết thương xót; *eleêmosyne* việc từ thiện), được dùng để dịch *hesed*;

- “*splanchna*”: gắn liền với lòng dạ, nơi xảy ra thái độ ấy (tương đương với *rehamim* trong Hipri) và động từ *splanchnízomai* (tỏ ra cảm thông);

- “*oiktirmos*” (*danh từ*) và “*oiktimôn*” (*tính từ*): diễn tả sự xúc động trước nỗi khổ của tha nhân, trắc ẩn. Từ thứ ba này ít thông dụng.

3. Misericordia là gì?

Trong tiếng Latinh, dựa theo sự phân tích tầm nguyên của Thánh Augustinô (*misericordia, cor miserum*), Thánh Tôma Aquinô định nghĩa như là sự thông cảm (*compassio*) đứng trước nỗi khổ của tha nhân (*compassio super miseria aliena*).[7] Lòng thương xót chỉ là một hình thái của tình yêu, chứ không đồng nghĩa với tình yêu: tình yêu dành cho người đau khổ, thiếu thốn. “*Thiên Chúa là tình yêu*” (1Ga 4,8), nhưng tình yêu giữa Ba Ngôi với nhau không phải là thương xót; lòng thương xót được bày tỏ đối với nhân loại, và chính xác hơn nữa, lòng thương xót được gắn liền với sự tha thứ tội lỗi. Nếu loài người không phạm tội thì có lẽ Chúa sẽ không có cơ hội thể hiện lòng thương xót. Hiểu như thế có đúng không? Dù đúng hay không, một cách thức để hiểu rõ bản chất của lòng thương xót, là đối chiếu với những hình thức tương tự hoặc tương phản với nó, cũng như những hiệu quả của nó: thương xót với tình thương, thương xót với công bình. Đó là con đường mà chúng ta sẽ khảo sát nơi các bản văn của Kinh Thánh (*phần thứ nhất*) và Truyền thống Thần học (*phần thứ hai*).

I. KINH THÁNH

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II (*Thông điệp “Dives in misericordia”*) cũng như Đức Thánh Cha Phanxicô (*Sắc chiếu “Misericordiae vultus”*) đã cung cấp cho ta một chìa khóa để đọc các bản văn Kinh Thánh: trước khi áp dụng vào tương quan giữa con người với nhau, tiên vàn “*misericordia*” là một đặc tính của Thiên Chúa,[8] biểu lộ bản tính của Thiên Chúa,[9] là một ưu phẩm tuyệt vời nhất của Ngài.[10] Nói khác đi, lòng thương xót không phải là một ý niệm trừu tượng, nhưng gắn liền với một chủ thể: Thiên Chúa giàu lòng thương xót; trong Tân ước, lòng thương xót mang một khuôn mặt cụ thể nơi Đức Giêsu.

Lòng thương xót của Chúa bao trùm toàn thể vũ trụ và lịch sử cứu độ. Đôi khi người ta đối chọi giữa “*Thiên Chúa công bình*” của Cựu ước với “*Thiên Chúa thương xót*” của Tân ước, nhưng điều đó không đúng. Cựu ước đã tuyên xưng “*Lòng thương xót Chúa bao trùm mặt đất*” (*misericordia Domini plena est terra: Tv 33,5; 119, 64*). “*Mọi đường lối Chúa đều là thương xót và chân lý*” (*Tv 25,10*). Tất cả công trình cứu độ bày tỏ lòng thương xót của Chúa: “*Chúa nhân ái đối với mọi người, tỏ lòng nhân hậu với muôn loài Chúa đã dựng nên*” (*Tv 145,9*).

Dù thế, có thể nói đến một sự tiệm tiến trong việc biểu lộ lòng thương xót, trải qua nhiều chặng trong Cựu ước và đạt tới tột đỉnh trong Tân ước.

A. Cựu ước

Để mở đầu, một nhận xét về từ ngữ. Trong Cựu ước, từ “hesed” được dùng 245 lần, và “rahamim” là 38 lần. Đôi khi hai từ ấy đi đôi với nhau (x. Tv 103,4: *in misericordia et miserationibus*). Hơn thế nữa, nhiều lần “hesed” được dùng sánh đôi với “emeth” (*hésed we émeth: misericordia et veritas / fidelitas*): trung thành, chân lý. Những cặp sánh đôi khác là: “mispat”(iudicium, công lý);[11]“sédaqáh”(iustitia, công chính);[12]“yésu’áh”(salutare, cứu độ);[13]“shalom”(pax, hòa bình);[14]“ahábáh”(caritas, tình yêu);[15]“emúnáh”(veritas, trung tín);[16]“tob”(benignitas, lòng nhân hậu, lòng tốt).[17]

Một cách tổng quát, Cựu ước đã mở rộng tầm nhìn về “misericordia”: từ tình yêu dành cho dân tộc Israel đến tình yêu dành cho toàn thể nhân loại và tất cả muôn loài thụ tạo. Chúng ta thử ghi nhận những bước tiến từ những trang đầu của sách Sáng thế, rồi đến lịch sử của Israel (từ lúc được cứu thoát khỏi Ai cập và xuất hành cho đến các Ngôn sứ và sách Khôn ngoan).

1. Khởi nguyên

Thiên Chúa đã tạo dựng vạn vật do tình yêu; nhưng lòng lân tuất được biểu lộ cách riêng khi con người phạm tội. Đối với nguyên tổ, sau khi đã phạm tội, Thiên Chúa đã tuyên phạt, nhưng đồng thời Ngài cũng hứa ban ơn cứu độ (St 3,14: *protoevangelium*). Một cách tương tự như vậy, Chúa phạt Cain vì đã giết em mình, nhưng Ngài hứa sẽ che chở ông trên đường lưu lạc (St 4,15). Vào thời Noe, Chúa trừng phạt nhân loại tội lỗi, nhưng Chúa không tận diệt nhân loại: Ngài đã cứu ông Noe để bảo tồn nhân loại; hơn thế nữa, Ngài ân hận và thề sẽ không bao giờ gây cảnh tàn phá như thế nữa (St 9, 8-17). Ngài không phải là vị Thần tàn sát. Trong cuộc đối thoại với ông Abraham, Thiên Chúa cho biết là Ngài sẽ không hủy diệt thành phố Sodoma nếu tìm được mười người công chính (St 18).

2. Cuộc Xuất hành

Biến cố xuất hành là một bằng chứng của tình yêu. Thiên Chúa đã nghe tiếng kêu than của dân Israel, và nhớ lại lời hứa với các tổ phụ, cho nên ngài đã ra thay can thiệp để giải thoát khỏi cảnh áp bức nô lệ: “*Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaac, Thiên Chúa của Giacob... Ta thấy cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai-cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, ta biết các nỗi đau khổ của chúng. Ta xuống giải thoát chúng khỏi tay người Ai cập, và đưa chúng từ đất ấy lên một miền đất tốt tươi, rộng lớn*” (Xh 3,6-8). Ta có thể coi đây như là bước thứ nhất của kinh nghiệm về lòng thương xót của Thiên Chúa: *Ngài đau xót trước nỗi khổ của dân mà Ngài đã hứa sẽ bảo vệ.*

Lòng thương xót của Thiên Chúa còn được biểu lộ rõ rệt hơn nữa trên cuộc lữ hành tiến về Đất hứa. Dân Israel chóng quên những ân huệ đã nhận được, quên đi giao ước, và muốn quay về thờ lạy các thần linh khác. Thiên Chúa “*nổi giận*”; điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng chính lúc sắp thi thố sự công bình thì cũng là lúc ngài nhớ lại tình thương và đã tha thứ. Qua đó ông Mosê đã khám phá ra bản tính đích thực của Thiên Chúa. Thật vậy, chúng ta thường dừng lại ở đoạn văn Xuất hành 3,13-15, khi

Chúa nói với Mosê: “*Ta là Đấng hiện hữu*”, nhưng chúng ta bỏ qua đoạn văn Xuất hành 34,6-7: “Đức Chúa, Đức Chúa (Giavê, Giavê), Thiên Chúa nhân hậu và từ bi (*misericors et clemens*), hay nén giận, giàu nhân nghĩa và thành tín (*patiens et multae miserationis et verax*), giữ lòng nhân nghĩa (*custodit misericordiam*) với muôn ngàn thế hệ, chịu đựng lỗi lầm, tội ác và tội lỗi, nhưng không bỏ qua điều gì, và trừng phạt con cháu đến ba bốn đời vì lỗi lầm của cha ông”. Đây là một đoạn văn căn bản của sự mặc khải về các ưu phẩm của Thiên Chúa. Người ta đếm được 13 đặc tính (*trong đó, 11 nói đến lòng thương xót – nhân hậu, và chỉ có hai đặc tính đã động đến sự công bình*).

Đến đây ta có thể gọi là cấp thứ hai của cảm nghiệm về lòng thương xót: lòng thương xót đối chiếu với đức công bình: *lòng thương xót vượt xa đức công bình*, bởi vì ai có tội thì sẽ bị phạt cho đến ba bốn đời; nhưng lòng nhân nghĩa thì lâu bền hơn, vì kéo dài đến muôn ngàn thế hệ. Lòng thương xót được biểu lộ qua sự tha thứ lỗi lầm (x. Xh 34, 9; Ds 14,19-21). Dù sao đi nữa, chúng ta cần ghi nhận điều mặc khải này, như Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo đã làm. Trong Cựu ước, Thiên Chúa không chỉ mặc khải như là “*Đấng Tự Hữu*” mà còn như là “*nhân hậu và từ bi*” (*misericors et clemens*).[18]

Chặng thứ ba của cảm nghiệm này có thể đọc thấy nơi những lời trời của ông Mosê vào lúc cuối đời, ở sách Đệ-nhị-luật 4,30-31: “*Khi anh gặp cảnh ngặt nghèo, khi tất cả những điều ấy xảy ra cho anh sau này, anh sẽ trở lại với Đức Chúa, Thiên Chúa của anh và sẽ nghe tiếng Người. Thiên Chúa của anh là Thiên Chúa từ bi: Người sẽ không bỏ mặc anh, sẽ không tiêu diệt anh, sẽ không quên giao ước Người đã thề với cha ông của anh*”. Sự tiến triển của quan niệm về lòng thương xót không chỉ nằm ở chỗ nó lớn hơn đức công bình, nhưng là *nó được biểu lộ qua đức công bình*. Thiên Chúa trừng phạt tội lỗi của dân để bày tỏ lòng thương xót của mình. Hình phạt nhằm cho họ quay trở về với Ngài để lãnh nhận các phúc lành.[19]

3. Các Thánh vịnh

Các Thánh vịnh quảng diễn lòng thương xót của Thiên Chúa cách bao quát hơn, không chỉ giới hạn vào kinh nghiệm của lịch sử Israel. Lòng thương xót là bản tính của Thiên Chúa. Chúng ta tạm phân chia các Thánh vịnh vào ba loại: thứ nhất, những Thánh vịnh ca ngợi lòng thương xót; thứ hai, những Thánh vịnh mặc khải bản tính Thiên Chúa là Đấng thương xót; thứ ba, những Thánh vịnh dạy chúng ta những bài học thực hành nhờ cảm nghiệm về lòng thương xót.

a/. Thánh vịnh ca ngợi lòng thương xót của Thiên Chúa

Những Thánh vịnh này khá nhiều, duy có điều là khi chuyển sang tiếng Việt, danh từ “*misericordia*” được dịch bằng nhiều từ khác nhau, như đã nói ở đầu. Lòng thương xót là một ưu phẩm của Thiên Chúa. Lòng thương xót bao trùm khắp mặt đất, như Thánh vịnh 57,11 ca ngợi: “*Tình thương của Ngài cao ngất trời xanh, và lòng thành tín vượt ngàn mây thẳm*” (*quoniam magnificata est usque ad caelos misericordia tua, et usque ad nubes veritas tua*). Chúng ta trưng dẫn vài thí dụ. Thánh vịnh 136 là một bài ca ngợi các kỳ công của Thiên Chúa biểu lộ qua việc tạo dựng và cứu chuộc, với điệp khúc: “*muôn ngàn đời, Chúa vẫn trọn tình thương*” (*quoniam in aeternum misericordia eius, hesed*). Điệp khúc ấy được lặp lại ở nhiều Thánh vịnh: “*Hãy ca tụng Chúa vì Người nhân từ, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương*” (*Confitemini Domino quoniam bonus, quoniam in aeternum misericordia eius*), chẳng hạn như ở đầu các Thánh vịnh 106 và 107 (*ôn lại lịch sử Israel*), Thánh vịnh 118 (*tạ ơn sau khi giải thoát khỏi cơn hoạn*

nạn), hoặc cuối Thánh vịnh 100: “Bởi vì Chúa nhân hậu (*suavis*), muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương (“*misericordia*”), qua bao thế hệ vẫn một niềm thành tín (*veritas*)”.

b/. Thánh vịnh mặc khải bản tính Thiên Chúa là Đáng thương xót

Nhóm thứ hai gồm những Thánh vịnh ca tụng Thiên Chúa về lòng thương xót của Ngài được diễn tả qua việc tha thứ tội lỗi. Ta có thể lấy hai Thánh vịnh điển hình: 103 và 145. “Chúa là Đáng từ bi nhân hậu, Người chậm giận và giàu tình thương” (*miserator et misericors Dominus, longanimis et multae misericordiae*). “Chúa nhân ái đối với mọi người, tỏ lòng nhân hậu với muôn loài Chúa đã dựng nên” (Tv 145,8-9). “Chúc tụng Chúa đi, hồn tôi hỡi, chớ khá quên mọi ân huệ của Người... Chúa là Đáng từ bi nhân hậu (*miserator et misericors Dominus*), Người chậm giận và giàu tình thương, chẳng trách cứ luôn luôn, không oán hờn mãi mãi. Người không cứ tội ta mà xét xử, không trả báo ta xứng với lỗi lầm... Như người cha chạnh lòng thương con cái, Chúa cũng chạnh lòng thương kẻ kính tôn. Người quá biết ta được nhờ nấn bằng gì, hẳn Người nhớ, ta chỉ là cát bụi” (Tv 103,8-10.13).

c/. Thánh vịnh dạy bài học thực hành

Khi biết rằng Chúa là đáng từ bi nhân hậu, ta hãy tin thác vào lòng thương xót, đặc biệt là tin tưởng rằng các tội lỗi của chúng ta sẽ được Ngài tha thứ. Tâm tình này được bộc lộ đặc biệt nơi các Thánh vịnh thống hối, Thánh vịnh 51: “Lạy Thiên Chúa, xin lấy lòng nhân hậu xót thương con, mở lượng hải hà xóa tội con đã phạm” (*Miserere mei Deus, secundum magnam misericordiam tuam*); hoặc Thánh vịnh 130: “Ôi lạy Chúa, nếu như Ngài chấp tội, nào có ai đứng vững được chăng? Nhưng Chúa vẫn rộng lòng tha thứ để chúng con biết kính sợ Ngài... Trông cậy Chúa đi, Israel hỡi, bởi Chúa luôn từ ái một niềm, ơn cứu chuộc nơi Người chan chứa” (*quia apud Dominum misericordia et copiosa apud eum redemptio*).[20]

4. Các Ngôn sứ

Nơi các Ngôn sứ, những tư tưởng trên đây được lặp lại, chẳng hạn như những lời chúc tụng lòng thương xót của Thiên Chúa qua các công trình cứu độ (xc. *Is 63,7-9*). Các Ngôn sứ không ngần ngại ví tình thương của Ngài như người cha, người chồng, người mẹ. Người mẹ không thể nào quên đưa con mình ra cưu mang (*Is 49,15*). Người chồng chung thủy không bỏ rơi người vợ thất tín (*Hs 2,16-25; Gr 2,2; 3,1; 31,20; Ed chương 16 và 23*); Hosea cũng có lúc mô tả Thiên Chúa như người cha âu yếm đã từng nuôi dưỡng đức con thơ (*Hs 11,1-8*). Tất cả đều nhằm kêu gọi Israel trở về với giao ước, tin tưởng vào lòng thương xót của Thiên Chúa, Ngài sẽ bỏ qua tất cả mọi lỗi lầm (*Is 38,10; 43,25; Ge 2,12-13*).

Một sự tiến triển về chiều rộng của lòng thương xót có thể nhận thấy nơi câu chuyện ông Giona, khi ông nhìn nhận rằng lòng thương xót của Chúa không chỉ giới hạn vào dân tộc Israel mà còn mở rộng đến mọi dân tộc.

Đó cũng là kết luận của *Sách Khôn ngoan*. Thiên Chúa muốn tỏ lòng thương xót đối với mọi loài, bởi vì muôn loài đều do Chúa dựng nên: “Trước Thánh Nhan, toàn thể vũ trụ ví tựa hạt cát trên bàn cân, tựa giọt sương mai rơi trên mặt đất, Nhưng Chúa xót thương hết mọi người, vì Chúa làm được hết mọi sự. Chúa nhắm mắt làm ngơ, không nhìn đến tội lỗi loài người, để họ còn ăn năn hối cải. Quả thế, Chúa yêu thương mọi loài hiện hữu, không ghê tởm bất cứ loài nào Chúa đã làm ra, vì giả như Chúa ghét loài nào, thì

đã chẳng dựng nên... Lạy Chúa Tể là Đấng yêu sự sống, Chúa xử khoan dung với mọi loài, vì mọi loài đều là của Chúa” (Kn 11,22-26).

Tóm lại

Chúng ta có thể tóm lại “Thần học về Thiên Chúa thương xót” của Cựu ước như sau:

- Thiên Chúa là “Đấng từ bi và hay thương xót” (*hanán wé-rahztm:misericors et miserator*, 11 lần); “từ bi và chính trực” (*misericors et miserator et iustus* 2 lần: Tv 112,4; 116,5); “nhân hậu và từ bi, chậm giận, giàu lòng thương xót” (*miserator et misericors, longanimis et multae misericordiae*: x. Ds 14,18; Gl 2,13; Gn 4,2; Tv 86,15; 103,8; 145,8; Nkm 9,17; Cn 14,29; 15,18; 16,32).

- “Lòng thương xót của Ngài hằng cửu” (*aeterna est misericordia*: Tv 118; 136; 2 Sbn 5,13; 7,6; 20,21; Et 3,11). Câu này có thể giải thích hai cách:

+ Lòng thương xót của Thiên Chúa thì hằng cửu, không bao giờ chấm dứt (x. Tv 23,6; 89,3; 103,17; 138,8);

+ Đấng Hằng Cửu (*Thiên Chúa*) là Đấng thương xót: bản tính của Ngài là thương xót. Cùng với tính hằng cửu, ta cũng nói đến tính “phổ quát”, bao trùm hết mọi người (Xh 34,7; Tv 103,8-14; Hs 11,9; Gn 4,2-11; Kn 11,24; Hc 18,13); “bao la”, không giới hạn không gian và thời gian (Tv 5,8; 51,3; 69,14; 86,5.15; 106,7.45; Hc 2,23; 17,28; 35,26;v.v...).

- Lòng thương xót của Chúa bao trùm tất cả những nhu cầu của con người, xét như tập đoàn của như cá nhân. Thiên Chúa cảm thông với những nỗi khổ của nhân loại, và đến cứu giúp họ. Ngài cam kết sẽ cứu giúp Israel, vì thế Ngài cảm thông những đau khổ của họ, như đã thấy trên đây. Nhưng các cá nhân cũng tin tưởng vào lòng nhân từ của Chúa, nên họ chạy đến với Ngài trong mỗi cơn nguy khốn, chẳng hạn như: bệnh tật (Tv 6,3; 41,11), nghèo túng (Tv 25,16), xao xuyên (Tv 10,18; 41,11; 57,2; 118,4 tt.), bị bách hại (Tv 56,2). Đặc biệt, con người van nài lòng thương xót của Chúa khi đã phạm tội với Ngài như chúng ta đã nói trên đây.

B. Tân ước

Nhận xét về từ ngữ: “*éleos*” (và các từ ngữ cùng gốc) được dùng 78 lần: nhiều nhất là Phaolô (26 lần), Luca và Công Vụ Tông Đồ (20 lần), Matthew (15 lần), nhưng vắng bóng trong Gioan, Philipphê, Thexalonica; “*splanchna*” (dưới hình thức động từ trong Tin Mừng Nhất lãm ám chỉ lòng trắc ẩn của Đức Giêsu; danh từ được dùng cho con người); “*oiktirmos*” danh từ được dùng 4 lần nơi Phaolô (2Cr 1,3; Rm 12,1; Pl 2,1, Cl 3,12).

Những đề tài về lòng thương xót của Thiên Chúa trong Cựu ước được lặp lại trong Tân ước. Điều mới mẻ của Tân ước ở chỗ, lòng thương xót ấy được biểu lộ nơi bản thân của Đức Giêsu, Lời Nhập thể (hoặc “Lòng thương xót nhập thể”). Nói đúng hơn, Tân ước nói đến hai chủ thể của lòng thương xót: lòng thương xót của Chúa Cha, và lòng thương xót của Đức Giêsu.

Chúng ta tạm phân chia các bản văn thành hai khối chính để nghiên cứu: 1/ Các sách Tin Mừng mang tính mô tả: Đức Giêsu thể hiện tình yêu của Thiên Chúa bằng lời nói và việc làm; 2/ Các bản văn của Thánh Phaolô mang tính suy tư về lòng thương xót của Thiên Chúa Cha và của Đức Giêsu.

1. Các sách Tin Mừng

Các sách Tin Mừng cho ta thấy Đức Giêsu là hiện thân của lòng thương xót của Thiên Chúa, nơi chính bản thân cũng như bằng lời nói việc làm.

a/. Một từ ngữ ra như biểu lộ cá tính của Đức Kitô trong lãnh vực chúng ta đang bàn là “lòng trắc ẩn” (*compassio: đồng cảm, cảm thông*). Người động lòng trắc ẩn khi thấy đám đông như đàn chiên lạc không kẻ chăn dắt (Mc 6,34). Người động lòng trắc ẩn khi thấy đám đông đi theo người đã ba ngày mà không có gì ăn (Mt 7,13). Người động lòng trắc ẩn khi thấy đám tang của người con một của bà góa thành Naim (Lc 7,13). Người động lòng trắc ẩn khi thấy những người bệnh tật kêu cứu và xin chữa lành: người phong (Mc 1,40), người mù ở Giêrikhô (Mt 20,34). Người thôn thức và khóc trước cái chết của người bạn Lazarô (Ga 11,35), cũng như khi trông thấy trước cảnh tàn phá của Giêrusalem (Lc 19, 41-42).

b/.Thánh **Matthew** đã ghi lại nhiều lời giảng của Đức Giêsu về lòng thương xót. Dĩ nhiên, tiên vàn Người nói đến lòng thương xót của Cha trên trời, Đấng quan phòng cho vạn vật, chim trên trời, hoa ngoài đồng,... (Mt 6,25-34). Việc cảm nhận lòng thương xót của Cha dẫn chúng ta đến chỗ tín thác vào Cha, cũng như tỏ thái độ đại lượng giống như Cha: yêu thương kẻ thù (Mt 5,45), tha thứ cho kẻ mắc nợ (dụ ngôn hai con nợ Mt 18,33: “Người không phải thương xót đồng bạn như chính ta đã thương xót người sao?”). “Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương” (Mt 5,7). Matthêu cũng hai lần (Mt 9,12-13; 12,7) trích dẫn đoạn văn Hosea: “Ta muốn lòng nhân chứ đâu muốn lễ tế” (*misericordiam volui et non sacrificium: 6,4-6*) để giải thích thái độ của Đức Giêsu đối với kẻ bệnh tật và người tội lỗi. Tất cả lề luật được tóm lại trong ba danh từ: “công lý”, “lòng nhân” và “thành tín” (*iudicium, misericordia, fides: Mt 23,23*).

c/. Tác phẩm của Thánh **Luca** được đặt tên là “Tin Mừng của lòng thương xót”. Đặc trưng của tác phẩm này có thể thấy qua ba điểm: sứ điệp thương xót được giới thiệu ngay từ những chương đầu; cao điểm là các dụ ngôn về lòng thương xót ở chương 15:

- Ngay từ chương đầu, từ “lòng thương xót” đã xuất hiện nơi các bài ca “Magnificat” và “Benedictus”. Kinh “Magnificat” là bài ca tạ ơn Thiên Chúa của lòng thương xót. Danh Thiên Chúa là Đấng Thánh và trải qua bao thế hệ, Ngài đã bày tỏ lòng thương xót cho những kẻ kính sợ Ngài (*et sanctum nomen eius, et misericordia eius in progenies timentibus eum: Lc 1, 49-50*), những kẻ đói nghèo thấp kém. Thiên Chúa thực hiện ơn cứu độ vì nhớ lại lòng thương xót đã dành cho tổ tiên (Lc 1,54). Tư tưởng này cũng được lặp lại trong thánh ca “Benedictus”, ông Dacaria chúc tụng Thiên Chúa vì đã đến thăm viếng Dân và nhớ lại lòng thương xót với các tổ tiên (*ad faciendam misericordiam cum patribus nostris et memorari testamenti sui sancti: Lc 1,72*); đồng thời ông tiên báo sứ mạng của Gioan dọn đường cho Đấng cứu tinh, Đấng sẽ ban ơn tha thứ do lòng từ bi (*per viscera misericordiae Dei nostri: Lc 1,78*). Như thế trong hai bài thánh ca, từ “lòng thương xót” được nhắc đến 4 lần (50; 54; 72; 78).

- Khi xuất hiện tại hội đường Nazareth, Đức Giêsu đã tuyên bố sứ mạng của mình là mang Tin Mừng cho những người nghèo, sự giải thoát cho những người bị giam cầm (Lc 4,18-19). Điều này được thể hiện qua những việc chữa lành bệnh nhân (x. Lc 7,21-23), và đặc biệt là qua việc tha thứ tội lỗi. Điều này giải thích vì sao Người gần gũi các tội nhân thay vì trừng phạt họ, khác với cách hình dung của ông Gioan Tiền Hô (Lc 3,7). Qua ba dụ ngôn ở chương 15, Đức Giêsu cho thấy rằng Thiên Chúa bày tỏ lòng

thương xót khi Ngài đi tìm những người lầm lạc, và Ngài vui mừng khi họ trở về. Nên lưu ý là Thiên Chúa không những sẵn sàng tha thứ cho kẻ tội lỗi khi họ ăn năn, nhưng Ngài còn đi tìm người tội lỗi để đưa họ trở về nhà. Đức Giêsu muốn chứng tỏ điều ấy bằng chính cuộc đời của mình, khi đi tìm những người tội lỗi.

Từ những dụ ngôn này, ta có thể kết luận rằng, “*bản tính của Thiên Chúa là Đấng thương xót*”. Vì thế, các môn đệ được mời gọi: “*hãy thương xót như Cha thương xót*” (*Estote misericordes, sicut et Pater vester misericors est: Lc 6,36*).[21]

2. Các thư Phaolô

Các sách Tin Mừng ra như chú trọng đến Đức Giêsu như là kẻ mặc khải lòng thương xót của Thiên Chúa bằng lời nói và việc làm. Các thư Thánh Phaolô suy tư về lòng thương xót của Thiên Chúa được biểu lộ ở nơi Đức Kitô.

Trước hết, chúng ta đọc thấy tước hiệu của Thiên Chúa ở hai đoạn văn:

- 2Cr 2,1: “Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Người là cha giàu lòng từ bi lân ái (*Pater misericordiarum: ho pater tôn oiktirmôn*), và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an ta”;

- Ep 2,4: “Thiên Chúa giàu lòng thương xót (*giàu trong sự thương xót: plousios ôn en éleei*) và rất mực yêu mến chúng ta” (*Deus, qui dives in misericordia, propter nimiam caritatem suam qua dilexit nos*).

Dĩ nhiên, đây không phải là mỹ từ. Thánh Tông đồ nhắc đến lòng thương xót của Thiên Chúa trong bối cảnh của lịch sử cứu độ: khi loài người còn ở trong tình trạng tội lỗi, thì Thiên Chúa đã ban ơn giao hoà nhờ Đức Giêsu. Nhờ thập giá và cuộc phục sinh của Đức Giêsu, nhân loại được phục hồi sự sống, hơn thế nữa, được trở nên nghĩa tử của Thiên Chúa. Tư tưởng then chốt này nằm trong toàn bộ giáo lý của Thánh Phaolô, chứ không chỉ nằm lẻ tẻ trong vài đoạn văn. Công trình cứu chuộc là kết quả của lòng thương xót. Vì thế mà công cuộc cứu độ được đặt tên là “*thương xót*”, bởi vì qua đó Thiên Chúa thể hiện lòng thương xót (x. *Rm 11,31; 15,9*). Loài người, đối tượng của lòng thương xót, được gọi là “*bình thương xót*” (*vasa misericordiae: Rm 9,23; Cv 9,15; 2 Tm 2,20*). Để nêu bật điều ấy, thánh tông đồ dùng những lối nói hơi “*sốc*”: “*Thiên Chúa đã giam hãm mọi người trong tội không vâng phục, để thương xót mọi người*” (*Rm 11,32; xc. Rm 10,22-23*).

Nên biết là động lực thúc đẩy Thiên Chúa ban ơn cứu độ được diễn tả không chỉ qua phạm trù “*thương xót*” (“*misericordia*”) mà còn qua các phạm trù khác nữa, chẳng hạn: tình yêu (*agape*), ân huệ (*kharis*).[22] Công trình cứu chuộc là kết quả của tình yêu Chúa Cha, và cũng là kết quả của tình yêu Đức Kitô dành cho chúng ta nữa (*Ep 5,3*).

Thánh Phaolô nói đến lòng thương xót của Thiên Chúa đối với nhân loại, và không quên thuật lại cảm nghiệm về lòng thương xót của Thiên Chúa dành cho bản thân: “Trước kia tôi là kẻ nói lộng ngôn, bắt đạo và ngạo ngược, nhưng tôi đã được Người thương xót” (*misericordiam consecutus sum*)... Đây là lời đáng tin cậy và đáng mọi người đón nhận: “*Đức Kitô Giêsu đã đến thế gian, để cứu những người tội lỗi, mà người đầu tiên là tôi. Sở dĩ tôi được thương xót, là vì Đức Giêsu Kitô muốn tỏ bày tất cả lòng đại lượng của Người nơi tôi là kẻ đầu tiên, mà đặt tôi làm gương cho những ai sẽ tin vào Người, để được sống muôn đời*” (*1Tm 1,13-16*).

Khỏi nói ai cũng biết, một khi chúng ta đã được Chúa yêu thương tha thứ, thì đến lượt chúng ta cũng phải biết yêu thương tha thứ cho nhau (x. *Ep 4,31-32*), tỏ lòng thương xót cho nhau (*Cl 3,12*: “*hãy mặc lấy lòng thương cảm*”: *induite viscera misericordiae*).[23]

Tuy ngày nay thư gửi Hipri không còn được coi như tác phẩm của Thánh Phaolô, nhưng nó cũng được xếp gần các thư của Thánh Tông đồ. Một tư tưởng then chốt chính của bức thư này là: Đức Kitô là vị Thượng tế đã dâng hiến mình làm của lễ xá tội cho nhân loại, và Đức Kitô được giới thiệu như là vị “*Thượng tế đầy cảm thông*” (*misericors pontifex*), bởi vì Người đã từng trải qua những đau khổ của kiếp nhân sinh (x. *Dt 2, 17*). Thiết tưởng nên đọc đoạn văn này trong bối cảnh lịch sử của nó. Khi chú giải câu 11 của Thánh vịnh 85: “*lòng thương xót và chân lý gặp nhau, công lý và hòa bình hôn nhau*”; truyền thống của các Rabbi đối chọi giữa một bên là chân lý và công lý (*tượng trưng nơi ông Mosê*), một bên là lòng thương xót và hòa bình (*tượng trưng nơi ông Aaron*; một người thông cảm với sự yếu đuối của nhân dân và tìm kiếm hoà bình đến nỗi trở thành đồng loã với tội lỗi của họ, theo *Xh 32, 1-5*). Sự hòa hợp giữa bốn điều kể trên chỉ xảy đến vào thời Cánh Chung. Tác giả thư Hipri trình bày Đức Giêsu như trung gian của giao ước mới, nghĩa là của luật mới được ghi khắc trong tim (*Dt 8,6*): Đức Giêsu là ông Môsê mới; đồng thời, Người cũng là tư tế biết cảm thông những yếu đuối của nhân loại (*Dt 4,14-15*), nghĩa là ông Aaron mới. Nơi Đức Kitô, đã thực hiện lời sấm “*tín nghĩa ân tình nay hội ngộ, hòa bình công lý đã giao duyên*” (*Tv 85*).

Chúng ta không nói nhiều về Thánh Gioan. Thánh nhân không sử dụng từ ngữ “*misericordia*”, nhưng những ý tưởng mà chúng ta đã phân tích trên đây đều được gói ghém trong quan niệm “*agape*”, được xem như “*bản tính của Thiên Chúa*” (*1Ga 4,8*). Thiên Chúa đã quá yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một để cho họ được sống muôn đời (x. *Ga 3,16*). Thiên Chúa đến tìm con người, chứ không phải con người đi tìm Thiên Chúa (x. *1Ga 4,10*). Nơi Tin Mừng thứ bốn, Đức Giêsu xuất hiện không chỉ như là “*dấu chỉ*” của tình yêu Thiên Chúa, nhưng chính Ngài là Thiên Chúa. Trong Luca, Đức Giêsu dùng dụ ngôn vị mục tử nhân lành để nói về Chúa Cha trên trời (*Lc 15,7*); trong Tin Mừng thứ bốn, Đức Giêsu tuyên bố: “*Tôi là người mục tử nhân lành*” (*Ga 10,11*). Cách riêng, nhờ Đức Kitô, nhân loại nhận được đầy tràn “*ân sủng và chân lý*” (*Ga 1,17*), đặc trưng của Thiên Chúa lân tuất.

II. SUY TƯ THẦN HỌC

Chúng ta không có nhiều thời giờ để rảo qua Thần học về “*misericordia*” trong lịch sử Thần học. Trong phần suy tư dưới đây, chúng ta dựa theo Thánh Tôma Aquinô, cùng với những gợi ý từ hai văn kiện của Huấn Quyền cận đại: “*Thông điệp Dives in misericordia*” của Thánh Gioan Phaolô II (30/11/1980) và “*Sắc chiếu Misericordiae vultus*” của Đức Thánh Cha Phanxicô (11/4/2015).[24]

Trước khi đi vào vấn đề, xin được lưu ý về từ ngữ. Ở đầu bài, chúng ta thấy rằng, “*misericordia*” được dịch sang tiếng Việt bằng nhiều từ ngữ: thương xót, từ bi, nhân hậu, .v.v... và tất cả xem ra đồng nghĩa. Tuy nhiên, trong ngôn ngữ của Thánh Tôma Aquinô, mỗi từ ấy có một đặc tính riêng: “*misericordia*” là một nhân đức thành phần của “*caritas*” (*đức mến*), khiến cho ta cảm thông với nỗi khổ của tha nhân. Ngoài ra, trong hệ trật các nhân đức, chúng ta thấy có nhiều từ ngữ lân cận, được Thánh Tôma Aquinô trình bày ở những phần khác nhau của bộ Tổng Luận Thần Học, chẳng hạn như:

- Liên quan đến nhân đức công bình: “*Vindictio*” (nghiêm trị, nhằm tái lập trật tự xã hội qua việc trừng phạt đích đáng),[25] “*Liberalitas*” (hào phóng hoặc quảng đại trong việc ban phát);[26] “*aequitas*” (công minh, tìm cách thực hiện công bình vượt trên pháp luật).[27]

- Liên quan đến nhân đức can đảm: “*magnanimitas*” (độ lượng, nhắm đến việc đại sự),[28] “*magnificentia*” (hào hiệp: điều hành lòng ham mê tiền bạc).[29]

- Liên quan đến nhân đức tiết độ: “*clementia*” (nhân từ, giảm bớt hình phạt cho kẻ phạm pháp).[30]

Ở đây, chúng ta chỉ giới hạn vào những đoạn văn mà Thánh Tôma Aquinô bàn về “*misericordia*”, để phân tích những suy tư của ngài, cùng với những đóng góp của Huân quyền và tư tưởng Thần học cận đại, mở đầu với những suy tư liên quan đến Thiên Chúa, kể đến liên quan đến phía chúng ta.

A. Lòng thương xót nơi Thiên Chúa

Theo Thánh Tôma Aquinô, lòng thương xót là một “*ưu phẩm của Thiên Chúa*”. Chúng ta đừng quên rằng, theo thánh nhân, bản tính Thiên Chúa thì đơn nhất, không có sự phân biệt giữa bản tính và các ưu phẩm.[31] Các ưu phẩm là những đặc tính mà chúng ta cảm nghiệm được về Thiên Chúa, dựa trên những hoạt động của Ngài trong vũ trụ.

Còn việc phát biểu bản tính và các ưu phẩm của Thiên Chúa thay đổi trải qua thời đại, chúng ta đã quá quen với việc trình bày Thiên Chúa như là Đấng Tự Hữu, dựa theo lời mặc khải cho ông Mosê: “*Ego sum qui sum*” (Xh 3,14-15). Ngày nay, các nhà chú giải Kinh Thánh không nghĩ rằng, đó không phải là ý nghĩa nguyên thủy của lời mặc khải: dân du mục chẳng có ý niệm gì về hữu và vô hữu! Dù sao, một đoạn văn quan trọng không kém về sự mặc khải bản tính Thiên Chúa là lời tuyên xưng của ông Mosê ở Sách Xuất hành 34,6: “*Đức Chúa, Đức Chúa, Thiên Chúa nhân hậu và từ bi, hay nén giận, giàu nhân nghĩa và thành tín*”. Như đã thấy trong phần thứ nhất, lời tuyên xưng này được lặp lại nhiều lần trong Cựu ước, cách riêng là trong các Thánh vịnh. Danh xưng của Thiên Chúa là “*Đấng Thương xót*” (hoặc *Đức Từ bi: Deus meus, misericordia mea: bản dịch của GKPV: Lạy Thiên Chúa, Đấng đầy lòng yêu mến*). “*Misericordia*” là danh xưng của Đấng Vĩnh Cửu.

1. Lòng thương xót biểu lộ sức mạnh chứ không nhu nhược

Trong Sách chiếu *Misericordiae vultus*,[32] Đức Thánh Cha Phanxicô trưng dẫn tư tưởng vừa nói của Thánh Tôma Aquinô.[33] Đúng ra đây không phải là điều độc đáo của thánh nhân, bởi vì đã được tuyên xưng trong phụng vụ từ thế kỷ VIII, được trích lại trong Chúa nhật XXVI Mùa Thường Niên.

Để nắm bắt tầm quan trọng của tư tưởng này, cần đối chiếu với tư tưởng triết học Hy Lạp. Phái khắc kỷ coi lòng trắc ẩn như là một nhược điểm. Lòng thương xót[34] đồng hóa với sự buồn phiền vì ghen tương, hay ít là sự thiếu cương quyết (*chẳng hạn nơi một thẩm phán*). Tuy nhiên, nơi Thiên Chúa thì khác: lòng thương xót không phải là dấu hiệu của nhu nhược, mà là của sức mạnh.

Thánh Tôma Aquinô phân biệt hai khía cạnh trong sự thương xót (*hoặc thương hại, thông cảm*):

a/. Khía cạnh cảm xúc (*affective*), xót xa trước cảnh khổ của tha nhân, mà mình coi như của chính mình;

b/. Khía cạnh hữu hiệu (*effective*), là hành động nhằm giúp đỡ tha nhân thoát khỏi cảnh khổ đó. Để lòng thương cảm trở thành nhân đức, nó phải bao gồm cả hai khía cạnh; ngoài ra nó còn phải dựa trên một điều tốt khách quan,[35] và cần được diễn ra bằng hành động tùy theo khả năng (*chứ đừng thương nhau bằng đầu môi chót lưỡi*).[36]

Chúng ta áp dụng quan niệm “*thương xót*” cho Thiên Chúa một cách loại suy: Ngài không mủi lòng xúc động (*theo cảm xúc: secundum affectum*) giống như chúng ta, nhưng Ngài có quyền năng để giúp đỡ những cảnh cùng khổ của nhân loại (*secundum effectum*). Mọi việc Ngài làm đều bày tỏ lòng quảng đại, thi ân giáng phúc: Ngài trao tặng không vì công lênh của chúng ta.[37]

Đặc biệt, Ngài bày tỏ quyền năng của lòng thương xót khi tha thứ tội lỗi cho chúng ta. Ở đây, quyền năng được bày tỏ không phải bởi vì Ngài nén được cơn giận, không trừng phạt chúng ta xứng với lỗi lầm, nhưng vì Ngài đổi mới tâm hồn chúng ta: từ kẻ thù địch trở thành con cái, và đáng hưởng gia nghiệp Thiên Quốc. Đối với Thánh Tôma Aquinô, việc thương xót và tha thứ cho tội nhân thì còn lớn lao hơn là tạo dựng đất trời,[38] bởi vì trời đất sẽ qua đi, còn người công chính sẽ được ở bên Chúa mãi mãi.

2. Thương xót với công bình và chân lý

Đề tài “*công bình và thương xót*” được đề cập trong *Thông điệp Dives in Misericordia*[39] cũng như *Sắc chiếu Misericordia Vultus*. [40]

Thiết tưởng có nhiều cách đặt vấn đề khác nhau, từ đó cũng có nhiều giải pháp khác nhau. Trước tiên, chúng ta hãy xem cách đặt vấn đề của Thánh Tôma Aquinô, rồi chúng ta hãy đối chiếu với cách đặt vấn đề trong Kinh Thánh.

a/. Cách đặt vấn đề dựa theo Thánh Tôma Aquinô: “*Công bình và thương xót*” (*iustitia et misericordia*) nơi Thiên Chúa.

Trong bộ Tổng Luận Thần Học, phần thứ Nhất, Thánh Tôma Aquinô đã dành câu hỏi 21 để bàn về công bình và thương xót nơi Thiên Chúa.

- Thiên Chúa là Đấng Công bình.[41] Có hai thứ công bình: công bình giao hoán và công bình phân phối. Nơi Thiên Chúa chỉ có công bình phân phối. Nơi Thiên Chúa có sự công bình vì Ngài đã phân phối mọi sự theo trật tự hài hòa và khôn ngoan.

- Nơi Thiên Chúa, công bình và thương xót trùng hợp với nhau, bởi vì bản tính của Thiên Chúa là đơn thuần.[42] Thiên Chúa luôn luôn công bình và lân tuất, cùng một lúc. Công bình giả thiết lân tuất, và dựa trên lân tuất. Khi Thiên Chúa hành sử theo lòng lân tuất thì Ngài không đi ngược lại công bình nhưng làm một điều vượt qua giới hạn của công bình; cũng tương tự như ta khi xóa một món nợ cho ai thì ta không lỗi công bình nhưng ta tỏ ra đại lượng với họ, đó là một quà tặng.[43] Kể cả khi trừng phạt kẻ bất lương, Thiên Chúa vẫn tỏ lòng lân tuất bởi vì Ngài không phạt nó hoàn toàn xứng với tội trạng.[44]

b/. Thử đặt lại vấn đề dựa theo quan điểm Kinh Thánh

Ngay từ nhập đề, chúng tôi đã lưu ý đến vấn đề từ ngữ trong tiếng Việt. “*Misericordia*” có thể dịch bằng nhiều từ khác nhau: thương xót, từ bi, tình thương, trắc ẩn, nhân từ,

khoan hồng, .v.v... Những từ này không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. Một cách tương tự như vậy *“iustitia”* (hoặc *iustus*) có thể dịch là: công bình, công minh, công chính, công thẳng, chính trực, thanh liêm, ngay chính, .v.v... Nói rằng Thiên Chúa công minh thì nghe được, nhưng nếu Thiên Chúa công thẳng thì chúng ta khiếp.

Đó mới là chuyện dịch thuật. Vấn đề ý tưởng còn quan trọng hơn. Tư tưởng của người Do thái không giống như tư tưởng của người Hy Lạp (hoặc Latinh).

- *“Misericordia”*. Đối với Thánh Tôma Aquinô, *“misericordia”* chỉ là một dạng của *“caritas”* chứ không đồng nghĩa. Nhưng trong tiếng Hipri thì *“hesed”* bao gồm cả hai ý nghĩa ấy. Hơn thế nữa, chúng ta thường liên tưởng đến *“misericordia”* khi nghĩ đến tội lỗi của chúng ta, để xin Chúa dủ lòng tha thứ. Nhưng *“misericordia”* của Kinh Thánh thì rộng hơn nhiều: nó bao trùm tất cả mọi công trình của Thiên Chúa, kể cả việc tạo dựng. Chúng ta có một chứng tích nơi Thánh vịnh 136: *“Hãy chúc tụng Thiên Chúa vì Chúa nhân từ, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương”*. Thiên Chúa tỏ bày *“misericordia”* khi tạo dựng đất trời, trăng sao, ... mặc dù chẳng đã động gì đến tội lỗi con người.

- *“Iustitia”* của Thiên Chúa tiên vàn nói đến sự cứu độ trước khi đã động đến sự trừng phạt. Trong Cựu ước, con người kêu van *“iustitia”* của Thiên Chúa (nghĩa là công lý), để giải thoát họ khỏi cảnh bất công, áp bức. Trong Tân ước, Thánh Phaolô nói đến ơn *“công chính hóa”* (*iustificatio*), tức là con người được trở nên công chính trước mặt Chúa. Vì tội lỗi, con người trở thành *“bất chính”* (*bất lương*) trước mặt Chúa. Nhưng Thiên Chúa là Đấng công chính đã ban ơn công chính cho loài người nhờ Đức Kitô. Như vậy, ta đừng nên quan niệm sự công chính của Thiên Chúa như là công lý pháp đình (*xét xử công minh, công bình khi luận tội*); không! Thiên Chúa bày tỏ sự công bình qua việc ban ơn cứu độ: đó là hồng ân công chính cứu độ. Sự công chính này không do công trạng con người đạt được (*Rm 3, 26-28; Gl 2, 16*), trái với quan niệm của người Pharisêu (*x. Mt 5,20; Lc 18,14*).

- Đặc biệt, trong Kinh Thánh, cặp đôi *“công bình và thương xót”* (*emet – hesed*) xuất hiện đến 30 lần trong Cựu ước. Hai đặc tính này được diễn tả dưới nhiều hình thức tương đương trong bản dịch Việt ngữ: *“tín thành – ân nghĩa”*; *“tín nghĩa - ân tình”*; *“nhân hậu - thành tín”*; *“nhân từ - chính trực”* được sử dụng khá nhiều trong các Thánh vịnh: *“Muôn nước hồi, nào ca ngợi Chúa, ngàn dân ơi, hãy chúc tụng Người. Vì tình Chúa thương ta thật là mãnh liệt, lòng thành tín của Người bền vững muôn năm”*. [45] Trong Tân ước, chúng ta sẽ gặp lại cặp đôi *“ân sủng và chân lý”* nơi Ga 1,14.17.

Cả hai đều nói lên sự gắn gũi âu yếm của Thiên Chúa:

+ *“emet”* không chỉ có nghĩa là công bình chính trực, mà còn là trung tín với lời hứa bất chấp sự bội tín của con người; [46]

+ Còn *“hesed”* là lòng thương xót, khoan nhân, và cũng dựa trên lời hứa hoặc giao ước.

Như vậy, cả hai đặc tính đều dựa trên lòng đại lượng của Thiên Chúa, Ngài tự ý ràng buộc mình với con người. Các Rabbi kể chuyện như thế này. Thiên Chúa được ví như một vua có hai cái ly. Ông nói: *“Nếu ta đổ nước nóng thì ly sẽ vỡ; nếu ta đổ nước lạnh thì ly sẽ nứt”*. Làm sao bây giờ? Nhà vua hòa nước nóng với nước lạnh, rồi đổ vào ly và không có gì xảy ra. Thiên Chúa cũng nói như vậy: *“Nếu ta dựng thế giới bằng tiêu chuẩn tình thương thì tội lỗi tràn lan; nếu ta dựng thế giới bằng tiêu chuẩn công lý thì*

thiên hạ không sống sót; vì ta sẽ pha trộn tình thương với công lý để dựng thế giới, hy vọng thế giới sẽ tồn tại”.

B. Thực hành thương xót

Sau khi đã hiểu biết lòng thương xót của Thiên Chúa, đến lượt chúng ta được mời gọi thực hành lòng thương xót đối với tha nhân. Tôi chỉ giới hạn vào hai điểm: 1/. Công bình và thương xót trong Giáo Hội; 2/. Thực hành những công việc thương xót.

1. Công bình và thương xót

Những cuộc tranh luận trong Thượng Hội Đồng Giám Mục về hôn nhân cho thấy rằng thời nào Giáo Hội cũng gặp khó khăn trong việc dung hòa giữa công bình và thương xót. Thiết tưởng một chìa khóa để giải quyết vấn đề là nhìn lại tương quan ấy dưới lăng kính của chân lý và thương yêu (*veritas / caritas*), đã được Đức Thánh Cha Benedict XVI nêu lên trong *Thông điệp Caritas in Veritate* (29/6/2009): chúng ta hãy nhìn vấn đề từ hai góc độ: “*Veritas in Caritate*” và “*Caritas in Veritate*”.

a/. *Veritas in Caritate*

Cụm từ này, trích từ thư gửi Ephêsô (4,15): “*Veritatem facientes in caritate*”, đã được trưng dẫn hơn một lần để Giáo Hội tự vấn về vài biện pháp cứng rắn khi bảo vệ chân lý: có thể cưỡng bách người khác phải chấp nhận chân lý không? Công Đồng Vatican II trả lời rằng: không được! Chân lý chỉ có thể ràng buộc bằng chính sức mạnh của mình, chứ không bằng vũ lực bên ngoài.

- Phải thú nhận rằng, đôi khi thực tế đặt ra những trường hợp nan giải. Yêu nhau là nói sự thật cho nhau, cho dù “*nói thật mất lòng*”? Hay là vì yêu thương mà ta không được dùng biện pháp cứng rắn? Giả như một người cha có đứa con bỏ nhà đi hoang, thì thử hỏi: thế nào là yêu thương nó? Yêu thương là đi tìm kiếm nó (*kể cả nhờ đến lực lượng công an*), dẫn nó về nhà, và nếu nó còn muốn trốn đi thì hãy xích nó lại? Hay là thương yêu đưa con có nghĩa tôn trọng tự do của nó, chỉ biết ra cửa sổ ngồi khóc chờ ngày nó hối hận trở về?

- Tuy nhiên chúng ta cũng có thể áp dụng cụm từ “*Veritas in Caritate*” vào một bối cảnh khác, đó là: hãy trình bày chân lý trong sự kính trọng tha nhân, trong thái độ hòa nhã (1Pr 3,15-16). Chúng ta chia sẻ niềm tin của mình cho tha nhân vì yêu thương họ, chứ không phải với tư cách trích thượng của kẻ đã nắm chắc chân lý trong tay, muốn lên mặt dạy đời!

b/. *Caritas in Veritate*

Tân ước chỉ có cụm từ “*Veritas in Caritate*” (Ep 4,15) vừa trưng dẫn trên đây, chứ không nói đến “*Caritas in Veritate*”. Đức Thánh Cha đảo ngược lại thứ tự để rồi đưa về tư tưởng nguyên thủy.

Ngay ở phần nhập đề, [47] *Thông điệp Caritas in Veritate* đã đối chiếu giữa “*caritas*” với “*veritas*” như sau: Nơi Thiên Chúa, “*caritas*” và “*veritas*” đồng nhất với nhau. [48] Dĩ nhiên ở đây, “*caritas*” phải hiểu là “*Tình yêu*”. Thiên Chúa là Tình yêu vĩnh cửu và Chân lý tuyệt đối. Nơi Thiên Chúa, tất cả mọi sự đều là tương quan và ban phát Tình yêu trong Chân lý, trước hết là nơi Đức Giêsu Kitô, kể đến là nơi mỗi nhân sinh, và sau cùng là nơi toàn thể vũ trụ. [49] Vì thế không thể nào tách rời tình yêu với chân lý. Con người mang trong mình sự khao khát tình yêu và chân lý. Chân lý cần được tìm kiếm

và diễn tả trong bầu khí của tình yêu; đối lại, tình yêu cần được hiểu biết và thực hành dưới ánh sáng của chân lý. Khi trình bày chân lý là chúng ta phục vụ tình yêu, và việc thực hành yêu thương tăng cường sức khả tín của chân lý. Nếu không có chân lý, thì tình yêu chỉ là tình cảm rỗng tuếch và dễ bị lệch lạc do đủ thứ ý kiến xu thời. Nhờ chân lý, chúng ta có khả năng vượt lên những ý kiến, ấn tượng, giới hạn văn hóa, để thiết lập những giá trị nền tảng chung.

Trong chương trình mục vụ, Giáo Hội cần phải rao giảng chân lý, “*chân lý của lòng thương xót*”. Khi tiếp xúc với con người cụ thể, cần phải để ý đến mỗi tình trạng: Giáo Hội lên án tội lỗi, nhưng yêu thương con người lỗi lầm (x. Ga 8,11). Chúng ta được khuyến nhủ đừng nghiêm khắc khi xét đoán tha nhân, bởi vì chỉ có Thiên Chúa biết được cõi lòng của mỗi người. Dù sao, vào ngày cánh chung, tất cả chúng ta sẽ bị xét đoán dựa theo lòng thương xót (*hoặc được phán xét bởi lòng thương xót*).

2. Những công việc thương xót

Sau những suy tư lý thuyết, *Thông điệp Dives in misericordia* và *Sắc chiếu Misericordiae vultus* mời gọi chúng ta diễn tả cảm nghiệm về lòng thương xót của Thiên Chúa ra các hành động cụ thể giúp đỡ tha nhân.

Truyền thống Kitô giáo từ thời Trung cổ quen tóm lại các hành động ấy vào “14 mối thương người”, được gọi là những công việc thương xót (*opera misericordiae*), được Thánh Tôma Aquinô tóm lại qua động từ: *visito, poto, cibo, redimo, tego, colligo, condo*; tiếp đến: *consule, carpe, doce / solare, remitte, fer, ora*. Ngài đã giải thích rằng, chúng tương ứng thực sự với các nhu cầu thực tế của tha nhân.[50]

- Xét về thân thể, con người cần được giúp đỡ về các nhu cầu luôn luôn cần thiết. Những nhu cầu này có thể là bên trong (*đồ ăn đồ uống*) hay là bên ngoài (*áo mặc, nhà ở*). Ngoài ra con người cần được giúp đỡ về các nhu cầu xảy đến bất ưng, hoặc là bên trong (*thuốc thang chữa bệnh tật*) hoặc bên ngoài (*thăm viếng lúc bị giam cầm, an táng khi qua đời*). Như thế, 7 công tác thực sự bao gồm các nhu cầu về thân xác của cuộc sống.

- Bước sang lãnh vực tinh thần, Thánh Tôma Aquinô nói rằng, con người có thể lâm vào cảnh cơ cực về đường thiêng liêng, mà ta có thể giúp đỡ bằng cách cầu khẩn xin Chúa đến cứu giúp (*tức là cầu nguyện cho họ*). Tha nhân có thể túng thiếu về trí tuệ hay về khôn ngoan (*ta có thể giúp bằng sự dạy dỗ, khuyên lơn*). Tha nhân có thể yếu ớt về tình cảm, thì ta đến giúp đỡ bằng sự ủi an. Tha nhân có thể sai lạc về cách ăn nết ở, thì ta giúp họ bằng việc sửa bảo, tha thứ và chịu đựng. Như vậy, 14 công tác bác ái (*14 mối thương người*) đã bao trùm tất cả mọi nhu cầu tinh thần và thể chất của con người rồi.

KẾT LUẬN

Cũng như *Thông điệp Dives in misericordia*,[51] *Sắc chiếu Misericordiae vultus* kết thúc với một tư tưởng hướng về Đức Maria, “*Mater misericordiae*”. Đây là một tước hiệu đã lưu hành tại đan viện Cluny từ giữa thế kỷ X, và được đưa vào kinh “*Salve Regina*”.

Đức Maria là người đầu tiên cảm nhận được lòng thương xót của Thiên Chúa, khi mang chính Đấng Thương Xót ở trong lòng mình. Thay mặt cho nhân loại, Mẹ đã chúc tụng Thiên Chúa vì đã tỏ lòng thương xót với loài người trong bài ca “*Magnificat*”. Mẹ đã tuyên xưng lòng thương xót mà Chúa dành cho người nghèo cực túng thiếu. Mẹ còn

chia sẻ lòng thương xót của Chúa, hơn nữa khi cùng tham dự vào cái chết của Con Mình trên thập giá cũng như sự Phục Sinh của Người. Mẹ không giữ riêng hồng ân cho riêng mình, nhưng chia sẻ cho đồng loại, chỉ dẫn cho họ biết đến cùng nguồn ơn thương xót: hãy làm điều Chúa dạy, hãy trở về với Chúa (xc. Ga 2,5). Được ủy thác làm mẹ của môn đệ yêu dấu (Ga 19,26), Đức Maria đón nhận những lời kêu xin của các tín hữu trong mọi cơn nguy khốn, để cứu giúp họ (*Sub tuum presidium, confugimus...*).

Sắc chiếu của Đức Thánh Cha Phanxicô cũng mời gọi đối thoại tôn giáo. Ngài nhắc đến đạo Do thái và đạo Islam. Ở Việt Nam, chúng ta biết “*Từ bi*” (một từ ngữ phổ thông hơn là “*thương xót*”) không chỉ là nhân đức giữa con người với nhau, mà còn là đặc tính của Đấng Chí Tôn ở vài tôn giáo nữa (*Phật giáo Bắc Tông và Cao Đài*). Thiết tưởng đó là một cơ hội để chúng ta tìm hiểu sâu xa hơn về lòng thương xót của Thiên Chúa.

THƯ TỊCH

Del Cerro Calderón, G., *Misericordia de Dios*, “Gran Diccionario Rialp”, Madrid, 1991.

Doglio, C., *Teologia della misericordia*, <http://www.symbolon.net/Temi%20biblici/Misericordia/index.html>

Esser, H.H., *Misericordia*, “Dizionario dei concetti biblici del NT”, EDB, Bologna, 1976, 1013-1023.

Romaniuk, K., *La salvezza dell'uomo come opera dell'amore del Padre e del Figlio*, <http://www.collevalenza.it/Cesdim/Cesdim.asp?Id=08>

Sisti, A., *Misericordia*, “Nuovo Dizionario di Teologia Biblica”, Paoline, Cinisello Balsamo, 1988, 978-984.

Saward, J., *Saint Thomas on Mercy*, “The Canadian Catholic Review”, March 1990.

Stackpole, R. *Divine Mercy*: <http://thedinemercy.org/library/dm101.php>

[1] Tuy biết rằng, *Sắc chiếu Misericordiae vultus (số 2)* của Đức Giáo Hoàng Phanxicô mời gọi hãy “*chiêm ngưỡng*” những khía cạnh khác nhau của lòng thương xót của Chúa.

[2] Các Thánh vịnh được đánh số theo bản Hipri.

[3] *Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin/HĐGMVN, 2010, số 2447.

[4] Dựa theo Lê Gia, *Tiếng nói nô nê na*, TPHCM 1999. *Thương*: đau đớn xót xa (cái “*thương*” đã bao hàm cái “*xót*” rồi; “*xót*” có nghĩa mài cọ, gây ra đau đớn: xót xa, xót ruột). *Từ bi* là gì? *Từ bi*: thương xót, rung động trước nỗi khổ của người khác (*Từ*: lòng yêu thương của người trên; *bi*: buồn); *từ thiện*: lòng lành và thương người (*thiện*: tốt lành). *Trắc ẩn*: (*Trắc*: thương xót; *Ẩn*: giấu kín) lòng thương yêu chứa đựng trong lòng; không dằn lòng trước cảnh khổ của người khác. *Lân tuất*: thương xót mà giúp đỡ (*Lân* hoặc

Liên: thương xót, thương cảm; Tuất: thương xót). *Lân ái* (yêu mến dịu dàng). *Nhân ái*: yêu thương người khác như chính mình (nhân: lòng thương người mến vật; ái: thương). *Nhân hậu*: có lòng yêu thương người và ăn ở đầy đặn (hậu: đầy đặn, lớn lao). *Nhân từ*: lòng thương yêu của trên đối với dưới.

[5]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.30, a.1.

[6] Ngoài hai từ vừa kể, còn nhiều từ khác có họ hàng thân thích, tựa như: “*hanan*” (đại lượng), “*hamal*” (thông cảm), “*hus*” (nhân từ), “*hen*” (nhân hậu).

[7]St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.30, a.1; xem thêm: I, q.21, a.3.

[8] Trong bản Kinh Thánh LXX, danh từ “*éleos*” (và những từ có liên hệ) được áp dụng 236 lần cho Thiên Chúa và chỉ 60 lần cho con người.

[9] Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp “Dives in misericordia”, Thiên Chúa giàu lòng thương xót*, 30-11-1980, số 2.

[10] Ibid., số 13.

[11] Xc. Hs 12,7; Mk 6,8; Gr 9,23; Tv 101,1; Kn 7,9.

[12] Xc. Gr 9,23; Tv 36,11; 40, 11; 85,11; 143,11tt; Cn 21,21.

[13] Xc. Tv 13,6; 40,11; 85,8; 119,41...

[14] Xc. Gr 16,5; Tv 85,11.

[15] Xc. Gr 2,2; 31,3.

[16] Xc. Ps 89,25; 98,3.

[17] Xc. Tv 23,6

[18] *Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin/HĐGMVN, 2010, số 210.

[19] Sách các Thủ lãnh được soạn dựa theo luận đề ấy: tội lỗi, hình phạt, hối cải, phúc lành.

[20] Các Thánh vịnh đầy đầy những lời cầu xin Chúa xót thương, “*miserere*”: 4,2; 6,3;9,14; 25,16; 26,11; 31,10; 41,5.11; 51,3; 56,2; 57,2; 86,3.16; 119,29.58.132; 123,3.

[21] Bản dịch Nhóm GKPV: “*Anh em hãy có lòng nhân từ như Cha anh em là Đấng nhân từ*”.

[22] Thiên Chúa cứu độ chúng ta do lòng yêu thương (“*agape*”: Rm 5,8tt; 8,31-33; Ep 1,4; 2,4tt), do ân huệ (“*kharis*”: Rm 5,15.20).

[23] Một tư tưởng tương tự cũng có thể gặp thấy nơi các tác phẩm của các Tông đồ khác, chẳng hạn như: 1 Pr 2,10; 3,8; Gc 2,13.

[24] Trong *Sắc chiếu* này (số 4), Đức Thánh Cha nhắc đến hai đoạn văn về “*misericordia*” của Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII trong ngày khai mạc và của Chân phước Phaolô VI trong ngày bế mạc Công Đồng Vatican II.

[25]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.108.

[26] Ibid., II-II, q.117.

[27] Ibid., II-II, q.120.

[28] Ibid., II-II, q.129.

[29] Ibid., II-II, q.134.

[30] Ibid., II-II, q.157.

[31]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, I, q.3.

[32] Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Sắc chiếu Misericordiae vultus*, số 6.

[33]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.30,4.

[34] Có lẽ chỗ này nên dịch thành “*xót xa, tiếc xót, thương hại*” thì thích hợp hơn.

[35] Ví dụ như: Tôi thương xót ông A vì kho thuốc phiện của ông ấy bị cháy, thì đó không phải là nhân đức.

[36]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.30, a.3.

[37]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, I, q.21, a.3.

[38]Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, I-II, q.113,9 trưng dẫn từ Thánh Augustin: “*maius est quod ex impio fiat iustus, quam creare caelum et terram, ...caelum enim et terra transibit, praedestinatorum autem salus et iustificatio permanebit*”.

[39] Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp “Dives in misericordia”, Thiên Chúa giàu lòng thương xót*, 30-11-1980, số 4; 7; 12; 14.

[40] Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Sắc chiếu “Misericordia vultus”, Khuôn mặt xót thương*, 11-04-2015, số 20.

[41]St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, I, q.21, a.1.

[42] Ibid., I, q.21, a.3.

[43] Ibid., I, q.21, a.3, ad.2m.

[44] Ibid., I, q.21, a.4, ad.1.

[45]Tv 117; Xc. Tv 25,10; 40,11-12; 85,12; 86,15; 89,15; Is 55,3; Gn 4,4; Hs 6,6; Ac 3,22; 2Sm 2,6; 15,20; Mk 7,20.

[46]Tv 30,10; 31,6; 71,22; 91,4; Is 38,18; 61,8; Gr 32,41.

[47] Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate, Bác ái trong Chân lý*, số 1-9.

[48] Ibid., số 1.

[49] Ibid., số 52 và 54.

[50] Xc. Giuse Phan Tấn Thành, OP., *Hiểu để sống đức tin*, tập 2, Học Viện Đaminh, 2009, tr. 289-295. Xem thêm: St. Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.32, a.2.

[51] Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo II, *Thông điệp "Dives in misericordia", Thiên Chúa giàu lòng thương xót*, 30-11-1980, số 9.

THIÊN - ĐỊA - NHÂN: BA CHIỀU KÍCH CỦA CUỘC SỐNG CON NGƯỜI

Lm. P.X. Nguyễn Văn Nhứt, O.P.

Sống: Một Thực Tại Kỳ Bí

Khát vọng hết sức tự nhiên và vô cùng mãnh liệt của con người là được sống, sống thật vui tươi, sống thật hạnh phúc, thật khỏe mạnh và trường thọ. Người ta cầu mong cho chính mình, cầu chúc cho bạn bè, và tìm đủ mọi phương cách, chấp nhận mọi tổn phí tiền bạc, công sức để đạt được những ước nguyện ấy.

Quả thật, sống là một điều vô cùng quý giá, không thể đơn giản hề có tiền bạc là người ta mua được nó, dầu bằng cái giá của cả vũ trụ này.



Sống tuy nhẹ nhàng, dịu êm như làn gió ban mai, nhưng rất tự lập, cương quyết, không thể đơn giản hề có quyền lực là người ta truyền khiến được nó phải đến, ở lại hay ra đi.

Sống tuy gần gũi, bình dị, dễ tiếp cận đối với con người, nhưng lại ẩn chứa cả một trời bí ẩn, nhiệm màu, sâu thẳm và ngút cao, vượt khỏi mọi nỗ lực kiểm soát, khống chế, và khuynh đảo của chính con người.

Hóa ra, con người có sống với mình, đón nhận sống trong mình, hòa hợp cùng sống ở mọi phương diện sinh hoạt thể lý, tình cảm, trí tuệ và tâm linh, nhưng lại không phải là sở hữu chủ của sống.

Người ta đón nhận sống từ cha mẹ, lưu truyền sống lại thế hệ kế tiếp, nhưng cả cha mẹ lẫn con cái nhiều đời từ quá khứ đến tương lai, đều không hề bao giờ là cội nguồn của sống.

Trước huyền nhiệm vô phương lý giải, trước quyền năng thiên biến vạn hóa của sống, con người lấm lúc cúi đầu phủ phục tôn thờ thực tại vĩ đại ấy.¹ Những câu hỏi chưa bao giờ được trả lời thấu đáo, ngay cả trong thời đại đầy tự hào vì tiến bộ khoa học-kỹ thuật của chúng ta, vẫn tiếp tục cất lên.

Vậy, thực ra sống là gì?

Sống Là Liên Đới Ba Chiều: Thiên-Địa Nhân

Một điều thật thú vị là từ thừa rất xa xưa, con người, Đông cũng như Tây, đều tin tưởng có mối tương quan chặt chẽ, hỗ tương, cộng sinh, cộng tồn giữa ba yếu tố trời (Thiên), đất (Địa) và người (Nhân.) Chính mối tương quan đó phát sinh ra, nuôi dưỡng, bảo tồn và hoàn thiện thực tại sống.

Thiên-Địa-Nhân Trong Đời Thường

Tương tự như đại vũ trụ, được hình thành từ năm yếu tố (Ngũ Hành): kim loại (Kim), thực vật (Mộc), nước (Thủy), nhiệt (Hỏa) và đất đá (Thổ), con người là tiểu vũ trụ cũng sống nhờ tương tác, hấp thụ, chuyển hóa các yếu tố đó.

Phương pháp dưỡng sinh, bảo quản sức khỏe, điều trị bệnh tật dựa trên nguyên lý cân bằng—bổ sung khi thiếu, giảm thiểu khi thặng dư—các yếu tố tự nhiên trong con người, gọi là “chất sống.”² Theo khoa sinh học, chỉ những tế bào có cùng gốc cấu trúc tương cận mới chấp nhận nhau và tháp nhập vào nhau. Ngược lại, sẽ bị nhận dạng là “ngoại vật” và bị loại trừ, đào thải một cách quyết liệt. Cơ thể sinh vật—đặc biệt là cơ thể con người—quả là một bộ máy kiểm định, sàng lọc và thanh luyện tinh vi, tuyệt hảo, chống lại mọi hình thức ngoại nhập của các vật thể lạ để bảo vệ sống một cách tuyệt đối an toàn.

Có một số tật bệnh, như bệnh phong, bệnh thấp khớp, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thời tiết, của vận hành các tinh tú, cũng giống như dòng thủy triều lên xuống chịu ảnh hưởng của chu kỳ tròn khuyết của mặt trăng. Người mang chứng bệnh nói trên trở thành máy dự báo thời tiết sống rất chuẩn xác.

Thời tiết thuận hòa, đất đai màu mỡ chẳng những đem lại cho cỏ cây sức sống động, vẻ tươi đẹp, hoa trái xum xuê, mà còn gia tăng sức khỏe, nâng cao khí lực, tạo sáng khoái tinh thần, gợi cảm hứng hạnh phúc, sáng kiến, dẫn thân phục vụ cho con người.

Hơn nữa, giữa con người với thiên nhiên còn có mối tương giao tương tác ý tình, đồng cảm theo nhiều trạng thái khác nhau.

Nghệ thuật kiến trúc theo nguyên lý Phong Thủy,³ quân bình âm-dương, hòa điệu lưu thông gió và nước, để tạo môi trường sinh sống và làm việc thuận lợi cho sức khỏe con người, an toàn cho tài sản, cho phương tiện sản xuất và nhờ đó đạt được thành công tốt đẹp hơn.

Thiên-Địa-Nhân Trong Thi Ca

Cụ Tiên Điền Nguyễn Du sống ở cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX đã diễn đạt thật thi vị mối tương quan sâu xa giữa tâm hồn con người và cảnh vật chung quanh trong tác phẩm “Truyện Kiều”:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!*

Không thể xem câu thơ chỉ là cảm nhận chủ quan, phi thực và có tính biểu tượng của thi nhân, gán cho cỏ cây hoa lá một cái hồn biết chia sẻ với con người trong mọi cảnh ngộ vui buồn, nhưng đó là hoa trái của một xác tín triết lý—hay có thể là xác tín tôn giáo—về mối liên kết giữa con người với môi trường thiên nhiên.

Vào đầu thế kỷ XX, nhu cầu phát triển đô thị khiến cho nhiều vùng quê cùng với cư dân và tập tục sinh hoạt lâu đời của địa phương chỉ còn trong hoài niệm của những tâm hồn mẫn cảm như cụ Tú Xương:

*Sông kia giờ đã lên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ.⁴*

Con sông Nam Định còn hay đã bị san lấp để làm khu thị tứ không thành vấn đề đối với những người làm kinh tế hay chuyên viên xã hội, vì khu vực quê mùa vắng vẻ xưa kia nay biến thành phố chợ sầm uất, kích hoạt cho thương mại, nâng cao mức sống người dân. Thế nhưng, bãi sông phủ ngập cỏ lau và xanh ngát lục bình, môi trường sinh sống tự nhiên của tôm cá, ếch nhái, chuột rắn, nguồn cung cấp thức ăn bổ dưỡng cho các gia đình nông dân, cùng với bến đò dưới gốc đa già soi bóng nước, nơi hẹn hò và nên duyên của bao đôi trai gái, nơi đắm ướm lệ biệt ly giữa nàng thôn nữ với chàng sĩ tử lên kinh kỳ ứng thí, hay với người chiến sĩ ra sa trường theo tiếng gọi non sông, tất cả đã trở thành một phần máu thịt khó thể nào quên của người dân địa phương.

Ở thế kỷ XX với văn minh cơ khí, với sản phẩm kỹ nghệ cao cấp do Âu Mỹ sản xuất lần lượt, áp đảo vị trí các vật dụng truyền thống, văn thơ trữ tình của thi sĩ Nguyễn Sa hòa hợp với giai điệu mượt mà của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên vẫn đưa được hàng lụa Hà Đông của Việt Nam vào bức tranh muôn màu sắc của thời đại mới, và hơn nữa, vào cõi thi thần bất tử:

*Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát,
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.⁵*

Trong bàn tay tài hoa của người thợ dệt, thợ may, lá dâu, kén tằm biến hóa thành chiếc áo lụa mềm mại, tôn thêm vẻ kiều diễm của cô gái, toát lên bầu khí dịu dàng bao trùm theo bước chân của nàng.

Mà đâu chỉ dừng lại trong lãnh vực tình cảm, nghệ thuật của thi ca, chiếc áo lụa ấy còn gợi nhớ cả một lịch sử đầy tự hào của làng nghề dệt lụa Vạn Phúc.⁶

Thiên-Địa-Nhân Trong Thánh Kinh

Sách Sáng Thế xác quyết rằng: vũ trụ càn khôn cùng tất cả vạn sự vạn vật, kể cả con người, đều là công trình sáng tạo của Thiên Chúa.⁷ Tất cả đều là tác phẩm của cùng một Đấng Tạo Hóa nên cũng có mối tương quan cội nguồn—dầu không nhứt thiết đồng đẳng cấp về bản tính—làm nền tảng cho tình trạng tương tác mạnh mẽ giữa môi trường và con người.

Tường thuật việc sáng tạo con người, Thánh Kinh⁸ cho biết Thiên Chúa lấy đất tạo thành hình người. “Đất” không chỉ đơn giản là nắm bùn đất, mà còn là tất cả những yếu tố cấu thành quả đất, tượng trưng nơi cụm từ “ngũ hành” vốn quen thuộc trong xã hội Á Đông. Trước khi mang ý nghĩa thần học luân lý, câu “Người là bụi đất và sẽ trở về bụi đất”⁹ chỉ đơn giản xác định nguồn gốc cấu tạo của thân xác nhân loại, một thực tại được khoa học xác nhận khi phân tích các thành phần hữu cơ, khoáng chất, nước và khí trong cơ thể con người.

Căn cứ theo thứ tự các vật thể được Thiên Chúa tạo thành, thì con người là sản phẩm cuối cùng của bàn tay sáng tạo đầy quyền năng của Chúa. Từng thụ tạo được Thiên Chúa ân cần đưa từ cõi u minh của hư vô ra ánh sáng hiện hữu đều tốt đẹp, vì đó là một nét biểu lộ lòng nhân hậu, thương yêu của Đấng Tạo Hóa đầy lòng xót thương. Toàn thể một hệ thống vũ trụ càn khôn kết cấu hài hòa, khít khóp chặt chẽ, vận hành xuyên suốt, tuyệt đối chuẩn xác. Cả guồng máy hoàn vũ đó, từ tổng thể cho đến chi tiết tiểu vi, luôn luôn trung thành tuân thủ không hề sai chạy quy luật thiên nhiên do Đấng Chủ Tể thiết định. Chúng hằng nhận được từng giây từng phút sức nâng đỡ, tác động, triển nở và bảo tồn từ Thiên Chúa, chứ không bao giờ bị bỏ mặc sau lần sáng tạo diệu kỳ và hùng vĩ.¹⁰

Việc hình thành con người là đỉnh điểm của công trình sáng tạo, là giây phút Thiên Chúa chất lọc tất cả mọi tinh hoa của vũ trụ càn khôn, rút tỉa mọi ưu điểm của muôn loài muôn vật, để hun đúc nên thể xác con người. Nói theo ngôn ngữ phàm nhân, nếu khi làm nên trời đất, các thứ kỳ hoa dị thảo và các loài cá biển chim trời trong 5 ngày cật lực làm việc, Thiên Chúa hãy còn là một “kiến trúc sư mới ra nghề”, thì vào lúc bắt tay vào việc sáng tạo con người, Thiên Chúa đã là một bậc thầy lão luyện, một “nghệ nhân”

với bề dày kinh nghiệm vô song, khôn sánh. Chắc hẳn vào ngày sáng tạo thứ 6, Thiên Chúa đã phải tổng hợp tất cả mọi phẩm chất xinh đẹp nhất, thiện hảo nhất, để đặt vào con người. Hơn nữa, “người mẫu” dựa theo đó Thiên Chúa hoàn thành con người như tuyệt tác vô cùng ưng ý của Chúa¹¹ không phải là ai khác mà chính là Ngôi Lời Hằng Hữu, Thánh Tử Chí Ái của Chúa.¹²

Với ưu điểm được Đấng Sáng Tạo dành cho như “hình ảnh của Thiên Chúa”, con người trở thành “linh ư vạn vật”, không phải theo nghĩa “đứng trên cấp”, thống trị muôn loài, vì chỉ một mình Thiên Chúa mới thật sự là Chủ Tể, là Thượng Đế Chí Tôn, Đấng nắm toàn quyền quyết định sinh tử của mọi thụ tạo, mà đứng ra con người chỉ là “đứng đầu bảng”, dẫn dắt muôn loài phụng thờ, chúc tụng và tri ân Thiên Chúa cho phải đạo.

Ngắm tầng trời tay Chúa sáng tạo,
 Muôn trăng sao Chúa đã an bài,
 Thì con người là chi, mà Chúa cần nhớ đến,
 Phạm nhân là gì mà Chúa phải lưu tâm?
 Chúa cho con người chẳng thua kém thần linh là mấy,
 Ban vinh quang danh dự làm mũ triều thiên,
 Cho làm chủ công trình tay Chúa sáng tạo,
 Đặt muôn loài muôn sự dưới chân:
 Nào chiên bò đũa loại, nào thú vật ngoài đồng,
 Nào chim trời cá biển, mọi loài ngang dọc khắp trùng dương.¹³

Trong khi nhìn nhận một chân lý là các thụ tạo khác trong vũ trụ—trời đất, sông núi, chim muông, thú rừng, tôm cá, cỏ cây—không ngừng cất vang tiếng chúc tụng Thiên Chúa Tạo Hóa,

Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa,
 Không trung loan báo việc tay Người làm.
 Ngày qua mách bảo cho ngày tới,
 Đêm này kể lại với đêm kia.
 Chẳng một lời một lẽ, chẳng nghe thấy âm thanh,
 Mà tiếng vang đã dội khắp hoàn cầu,
 Và thông điệp loan đi tới chân trời góc biển.¹⁴

Con người đồng thời cũng kêu mời mọi thành phần vũ trụ hiện diện trong chính thân xác mình chung lời vinh danh Thiên Chúa:

Chúc tụng Thiên Chúa đi nào, hồn tôi ơi,
 Chúc tụng Thánh Danh Chúa, hỡi tất cả những gì bên trong tôi.¹⁵

“*Tất cả những gì bên trong tôi*” được đặt đối xứng với “*hồn tôi*” có thể hiểu là lục phủ, ngũ tạng, là tất cả mọi chất tổ làm nên vũ trụ càn khôn cũng đồng thời cấu tạo nên thân xác con người như một tiểu vũ trụ.

“*Tất cả những gì bên trong tôi*” còn có thể hiểu: chỉ con người là thụ tạo duy nhất được Thiên Chúa ban cho ơn ngôn ngữ. Ngôn ngữ, dưới hai dạng nói và viết, là thành tựu kỳ diệu của một tổng hợp công trình vĩ đại, liên kết hỗ tương nghiêm ngặt giữa toàn thể guồng máy sinh học của con người, như hô hấp, tuần hoàn; từ các bộ phận cơ thể, như tim, phổi, thanh quản, môi, lưỡi, răng, cơ hàm mặt, tai, mắt, tay; các tế bào não, hệ thần kinh. “*Tất cả những gì bên trong tôi*” cũng còn là tất cả những tổ chất vũ trụ cấu tạo, nuôi dưỡng và bảo trì “*phần cứng*”¹⁶, giúp con người diễn đạt qua ngôn ngữ “*phần mềm*”,¹⁷ tức là nội tâm, tư tưởng, kiến thức hoặc tình cảm của mình. Một tiếng kêu ngạc nhiên, vui mừng, hay sợ hãi, đau đớn của con người cũng chính là chuỗi chuyển mình của vũ trụ càn khôn họa theo cung bậc tâm tình và cảm xúc của con người. Lời thơ, câu văn, giọng hát rung động lòng người cũng chính là niềm hạnh phúc ngất ngây của muôn vật muôn loài cùng “*hợp tiếng*” với con người.

Thánh Phan-xi-cô Át-xi-di,¹⁸ Vị Tổ Phụ Dòng Anh Em Hèn Mọn, và cũng là Thánh Bồn Mạng của Môi Trường,¹⁹ bằng tấm lòng đặc biệt yêu quý công trình sáng tạo của Thiên Chúa, đã hát vang bài “*Thánh Ca Muôn Loài Thụ Tạo*”,²⁰ với điệp khúc trứ danh “*Laudato Si—Xin Chúc Tụng Chúa*”.

Ý thức sâu xa về tương quan thân thiết giữa con người với các thực tại muông thú, hoa lá, cỏ cây, do cùng một bàn tay từ hậu của Cha Trên Trời sinh thành, đan dệt thành một môi trường cộng sinh cho nhau, với nhau và vì nhau, Thánh nhân triu mến gọi tất cả bằng danh xưng “*các anh, các chị*”:

Lạy Đức Chúa Tối Cao Toàn Năng,
Chúa thật đáng ca tụng, tôn vinh, kính trọng và muôn lời chúc phúc.
Tất cả những vinh dự ấy đều thuộc về một mình Chúa,
Không một phạm nhân nào xứng đáng được xưng Danh Ngài.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, cùng với muôn thụ tạo của Chúa,
Đặc biệt cùng với Ngài Thái Dương,
Ngài ấy là ngày, nhờ Ngài ấy Chúa ban cho chúng con ánh sáng.
Ngài ấy xinh đẹp, rực rỡ, quang minh lừng lẫy,
Mang dáng dấp tựa như Chúa, lạy Đấng Tối Cao.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ Bà Chị Hằng cùng muôn ngàn Chị Tinh Sao,

Chúa tác tạo quý chị ấy trong ngàn, kiêu sa, diễm lệ trên bầu trời.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ Ông Anh Phong,
Nhờ khí trời, mây mù hay quang đãng, và tất cả mọi thứ thời tiết,
Nhờ quý huynh ấy, Chúa bảo tồn các thụ tạo của Chúa.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ Bà Chị Thủy,
Chị thật hữu dụng, khiêm tốn, quý giá và tinh khiết.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ Ông Anh Hỏa,
Nhờ Anh, Chúa thấp sáng đêm trường,
Anh thật xinh đẹp, linh hoạt, cường tráng và hùng mạnh.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ Bà Chị Đất Mẹ,
Chị bảo trợ và điều động chúng con,
Chị sản sinh bao loại trái ngon, bao kỳ hoa dị thảo.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ tất cả những ai vì tình
thương của Chúa mà sẵn lòng tha thứ,
Gánh chịu thương tật và ngàn nỗi truân chuyên.
Diễm phúc thay ai kiên định trong hòa bình,
Họ sẽ được chính Chúa thưởng công, lạy Đấng Tối Cao.

Laudato Si! Xin chúc tụng Chúa, lạy Đức Chúa, nhờ Bà Chị Tử Biệt Xác Thê,
Không một sinh linh nào thoát được tay Chị.
Vô phúc cho ai chết khi vướng mắc tội trọng.
Phúc đức thay người được hội ngộ Chị Tử Biệt trong Ý Định chí thánh của Chúa,
Vì cái chết lần thứ hai không thể hãm hại người ấy.

Nào ca tụng, chúc phúc Đức Chúa của tôi và tạ ơn Người,
Và phụng sự Người với trọn dạ khiêm cung.

Thiên-Địa-Nhân Trong Trách Nhiệm Luân Lý

Sống, như đã trình bày bên trên, là một mối tương tác giữa con người và vũ trụ vạn vật. Mối tương quan ấy càng được chứng minh đầy thuyết phục hơn nữa trên phương diện hổ tương trách nhiệm luân lý giữa con người với cõi tạo thành. Vấn đề được chính Thánh Kinh đặt ra cho thấy có tương quan nhân-quả giữa tội phúc của con người và cảnh thịnh vượng hay điêu tàn của môi trường thiên nhiên.

Trước hết, Sách Sáng Thế đặt hai bức tranh thật tương phản giữa cảnh xinh đẹp, hồn nhiên, tinh tuyền của vũ trụ, hòa điệu một cách hoàn hảo với con người trước khi có tội lỗi và cảnh muôn loài muôn vật hoang tàn, u ám, đầy chông gai hiểm họa thù nghịch với con người sau khi hai vị Nguyên Tổ chống lại Thánh Ý Thiên Chúa.²¹

Thánh Phao-lô cho rằng: cũng vì tội lỗi con người mà vũ trụ vạn vật bị ảnh hưởng, bị rơi vào tình trạng rên siết đớn đau, thiết tha mong chờ ngày được cứu thoát.²² Nói cách khác, trước kia, khi còn sống trong tương quan thảo hiếu, vâng phục Thiên Chúa, con người vừa được Thiên Chúa yêu thương, tín nhiệm, giao cho quản trị tất cả công cuộc sáng tạo của Chúa, vừa được vũ trụ, muôn loài muôn vật kính trọng, vì được con người “đặt cho danh tánh”,²³ nghĩa là được con người tận tâm chăm sóc, bảo quản, theo lệnh truyền của Thiên Chúa.²⁴ Lúc này, một khi đã phạm tội, mất tình nghĩa thân thiết với Thiên Chúa, trở thành nghịch tử, con người cũng vừa không đủ uy tín và tư cách quản trị muôn loài, vừa không để hết tâm huyết chăm lo công trình sáng tạo của Thiên Chúa, trái lại trở thành kẻ gian phi, lạm dụng trí tuệ và tài năng Chúa ban để khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên đến mức làm cho môi trường sống trở thành thù nghịch với con người. Do đó, lập tức con người bị toàn thể tạo thành quyết liệt chống đối, bởi lẽ “thượng bất chính, hạ tắc loạn”, và cũng là lẽ tự nhiên vì muôn loài muôn vật luôn luôn thủy chung, tuyệt đối trung thành phụng lệnh phò tá Đấng Tạo Hóa của chúng.

Theo quan điểm đó, Thánh Kinh mạnh mẽ chỉ ra nguồn gốc mọi thảm họa môi sinh—thường được con người gọi một cách dễ dãi và thiếu trách nhiệm là “thiên tai”, hàm ý là những sai sót trong bộ máy vận hành của tự nhiên—chính là tội lỗi, là tà tâm, là lòng tham không đáy của con người:

Chúa khiến sông ngòi cạn đi thành sa mạc,
Đổi suối nguồn ra hoang đìakhô khan,
Đất màu mỡ hóa đồng chua nước mặn,
Vì dân cư độc ác gian tà.²⁵

Lời dạy của Thánh Kinh càng được chứng minh là chính xác khi nghiên cứu nghiêm cẩn và lương thiện nguyên nhân của mọi đau khổ, thể lý cũng như tâm linh, mọi thứ bệnh tật của cá nhân cũng như của xã hội, chúng ta không thể không nhìn nhận có phần trách nhiệm nặng nề của con người. Có thể nói, con người tự cắt đi buồng phổi của mình khi chặt phá rừng, đào trống gốc các rặng san hô. Con người đổ độc dược vào chén cơm, ly nước của con cháu mình khi tổng bao nhiêu chất thải công nghiệp hoặc rác bệnh viện không xử lý đúng yêu cầu an toàn sản xuất xuống thẳng sông suối hay mạch nước ngầm; khi sử dụng thuốc diệt sâu rầy, thuốc tăng trọng bừa bãi trên cây lúa, các loại rau quả, thịt cá. Con người tự đào mồ chôn cho chính mình, khi khai thác một cách cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, tiếp tục lãng phí, gây ô nhiễm, tàn phá

quả địa cầu đến mức không còn hy vọng phục hồi hoặc cứu vãn, làm ngor quy luật bảo tồn rất tiệm tiến của cõi tạo thành, và bất chấp chân lý hiển nhiên này là toàn bộ mọi thực thể trong vũ trụ càn khôn, kể cả nước, gió, hay năng lượng mặt trời, đều là hữu hạn.

Sống quả là một điều kỳ diệu, một quà tặng vô giá của Thiên Chúa, được ban cho mọi thụ tạo trong vũ trụ càn khôn. Nhưng sống chỉ được hiện diện, phô diễn, phát triển, bảo tồn và hướng đến mức độ viên mãn nơi duy nhất một mình con người trong tương quan với Thiên Chúa Tạo Hóa và với Toàn Cõi Tạo Thành.

Với tính cách là Ki-tô hữu, chúng ta được kêu gọi “đón nhận thể giới như thể là một bí tích hiệp thông, như là một cách thức chia sẻ với Thiên Chúa và với người đồng loại trên bình diện toàn cầu. Chúng ta khiêm tốn bày tỏ xác tín của mình rằng: yếu tố linh thánh của Thiên Chúa và yếu tố phạm tục của con người cùng hội ngộ với nhau ngay cả ở một tiểu tiết tế vi nhất trong toàn bộ tấm áo liền lạc không đường khâu của công trình sáng tạo của Thiên Chúa, ngay cả trong hạt bụi cuối cùng của hành tinh chúng ta.”²⁶

1. Đây là lý do hiện hữu của các hình thức “tín ngưỡng phồn thực”, tôn kính quyền năng truyền sinh của Tạo Hóa nơi các biểu tượng sinh sản. Lưu ý về việc ngộ nhận cho đó là thờ cúng cơ quan sinh dục hoặc hành vi giao phối của nam nữ. Xc <https://www.britannica.com/topic/phallicism>.

2. Các cụm từ “sinh tố” có gốc Hán Ngữ, hoặc “vitamin” có gốc La Ngữ.

3. Lưu ý việc lạm dụng biến khoa học thành mê tín dị đoan.

4. Trích bài “Sông Lấp Nam Định.”

5. Trích bài “Áo Lụa Hà Đông.”

6. https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0ng_l%E1%BB%A5a_H%C3%A0_%C4%90%C3%B4ng: “Làng lụa Hà Đông hay Làng lụa Vạn Phúc (nay thuộc phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, cách trung tâm Hà Nội khoảng 10 km là một làng nghề dệt lụa tơ tằm đẹp nổi tiếng có từ ngàn năm trước. Lụa Vạn Phúc có nhiều mẫu hoa văn và lâu đời bậc nhất Việt Nam. Lụa Hà Đông từng được chọn may trang phục cho triều đình. Nằm bên bờ sông Nhuệ, làng lụa Vạn Phúc vẫn còn giữ được ít nhiều nét cổ kính chân quê ngày xưa, như hình ảnh cây đa cổ thụ, giếng nước, sân đình, buổi chiều vẫn họp chợ dưới gốc đa trước đình. “Lụa Hà Đông” cũng như các sản phẩm thủ công truyền thống của các làng nghề Hà Nội, thường được nhắc đến trong thơ ca xưa.”

7. Xc St 1:1-31.

8. Xc St 2:7.

9. St 3:19.

10. Tham khảo 2 quan niệm khác nhau về hiện diện của Thiên Chúa: 1/ chủ thuyết Thiên Chúa Bất Can Dự (Deism) cho rằng sau khi đã sáng tạo trời đất và muôn vật muôn loài, Thiên Chúa không còn quan tâm đến vận hành của chúng và những gì xảy ra trong cõi đời này; 2/ chủ thuyết Thiên Chúa Can Dự (Theism) ngược lại quá quyết Thiên Chúa luôn quan tâm theo dõi, can thiệp vào mọi biến cố lớn nhỏ trong hoàn vũ. Ba tôn giáo độc thần: Giu-đa Giáo (Judaism), Ki-tô Giáo và Hồi Giáo, cùng dạy chủ thuyết thứ 2.

11. Xc St 1:31.

12. Xc Ga 1:3; Cl 1:16; Dt 11:3.
13. Tv 8:4-9.
14. Tv 19:1-5.
15. Tv 103, 1 theo bản Thánh Kinh Giê-ru-sa-lem.
16. Mượn thuật ngữ “hardware” của tin học.
17. “Software” như trên chú thích 16.
18. Sinh năm 1182, tại Assis, nước Ý; mất năm 1226.
19. Được Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II tôn phong ngày 29 tháng 11, năm 1979. Nhiều quốc gia có truyền thống đưa thú cưng hoặc gia súc đến thánh đường để xin linh mục chúc lành vào ngày lễ Thánh Phan-xi-cô, 4 tháng 10 hằng năm.
20. Còn được biết đến như “Khúc Ca Anh Mặt Trời.”
21. Xc St các Chương 1, 2 và 3.
22. Xc Rm 8:19-22.
23. Xc St 2:19.
24. Xc St 2:15.
25. Tv 107:33-34.
26. Thông Điệp “Laudato Si’ “ của Đức Thánh Cha Phan-xi-cô, số 9.

ĐẰNG THÁNH CỦA LÒNG THƯƠNG XÓT

Lm. P.X. Nguyễn Văn Nhứt, O.P

Một Điều Trùng Hợp Có Dự Tính

Ngày Chúa Nhật 4 tháng 9, 2016, Đức Thánh Cha Phan-xi-cô công bố Mẹ Tê-rê-xa Can-cút-ta¹ là hiển thánh được chính thức tôn kính trong toàn thể Hội Thánh Công Giáo.

Không thể nói đây chỉ là một trùng hợp ngẫu nhiên khi vị nữ tu dễ mến đã hiến trọn cuộc đời phục vụ những người nghèo khổ nhứt trong xã hội được tuyên thánh trong chính Năm Thánh Của Lòng Chúa Thương Xót. Do đó, không sợ sai lầm khi dâng kính Mẹ Tê-rê-xa biệt danh “Đấng Thánh Của Lòng Thương Xót.”



Hành Trình Tìm Kiếm Lòng Thương Xót

Chào đời tại Skopje, Nam Tư, 27 tháng 8, năm 1910, với danh tánh của gia đình là Gonxha (Agnes) Bojaxhiu, Mẹ Tê-rê-xa là con gái út trong gia đình gồm 3 anh chị em, 2 gái một trai (2 người nữa qua đời khi còn rất bé) của Ông Nicola và Bà Dronđa Bojaxhiu. Gia đình Mẹ có mức sống tương đối dễ chịu, chứ không thuộc giai cấp nông dân nghèo khổ như có nguồn tin không chính thức.

Từ thuở bé, Mẹ Tê-rê-xa đã có cá tính mạnh mẽ và độc lập. Cho đến cuối đời, Mẹ vẫn mãi là một con người, tuy khiêm tốn, biết lắng nghe, nhưng luôn luôn suy nghĩ và hành động như chính bản tính cố hữu của mình.

Ông thân sinh của Mẹ là một nhà thầu xây dựng khá thành đạt. Nhưng có lẽ vì dấn thân khá tích cực vào hoạt động chính trị, ông bị thiệt mạng một cách bất ngờ, với nghi vấn là do bị đầu độc. Cái chết của người cha khiến cho gia đình Mẹ chao đảo vì mất đi cột trụ quan trọng, trong lúc bà mẹ góa trẻ phải gánh mọi trách nhiệm với 3 anh em mồ côi cha, chỉ mới ở độ tuổi 14, 9 và 7.

Mặc dầu từ nhỏ rất thân thiết với các sinh hoạt ở giáo xứ, và say mê câu chuyện của các nhà truyền giáo hoặc thiện nguyện trong công tác từ thiện bác ái, nhưng ý tưởng trở thành một nữ tu đến với Mẹ Tê-rê-xa thật muộn màng.

Năm 18 tuổi, Mẹ Tê-rê-xa gia nhập cộng đoàn các nữ tu Loreto ở Dublin, Ai-len, một dòng tu được thành lập từ thế kỷ 17, chuyên lo việc giáo dục các thiếu nữ. Từ ngày đó, Mẹ tận tụy lo việc phục vụ theo tôn chỉ của nhà dòng, và không còn dịp trở về thăm gia đình, kể cả việc gặp lại người mẹ thân yêu khi bà qua đời.

Sau khi hoàn thành khóa tập tu, năm 1931 Mẹ khấn dòng lần đầu và chọn danh xưng Tê-rê-xa, nhắm tỏ lòng tôn kính cả 2 Thánh Tê-rê-xa Avila và Tê-rê-xa Hải Đông. Tuy được coi như một nữ tu kiệm lời và nhút nhát trong cộng đoàn, nhưng Mẹ Tê-rê-xa nêu gương sáng qua nhiệt tình phục vụ và đời sống nghiêm túc giữ kỷ luật tu trì. Sau đó ít lâu, Mẹ được nhà dòng gởi tới dạy lịch sử và địa lý tại trường nữ trung học Thánh Mẫu Maria, ở một quận thuộc thành phố Can-cút-ta.

Suốt 15 năm tận tụy và hào hứng giảng dạy tại một nhà trường dành cho các tiểu thư con nhà quý tộc danh giá, không ai ngờ trong cõi sâu thẳm của tâm hồn Mẹ Tê-rê-xa đã manh nha một “ơn gọi thứ hai.” Giây phút mang tính quyết định của ơn gọi đó xảy ra trong dịp Mẹ Tê-rê-xa đi dự một kỳ tĩnh tâm ở Darjeeling vào năm 1946.

Suốt 2 năm liền, Mẹ không ngừng tìm cách khám phá rõ ràng hơn con đường Mẹ xác tín là do Thiên Chúa hướng dẫn mình bước vào. Mẹ quyết định từ khước tất cả, cho dầu đó là địa vị được kính nể và tiện nghi dễ chịu ở hội dòng Loreto, chấp nhận ra ngoài đường phố, chấp nhận từ bỏ tất cả, để bước theo chân Chúa Ki-tô đi vào các khu ổ chuột, phục vụ những anh chị em nghèo khổ nhút trong xã hội.

Phải qua bao thủ tục, bao thông lệ phiền toái Mẹ Tê-rê-xa mới được chính thức rời khỏi nếp sống trong khuôn viên nhà dòng các nữ tu Loreto, song vẫn còn giữ nguyên lời khấn. Mẹ còn gặp bao khó khăn vì Hội Thánh không sẵn sàng cho phép lập dòng tu mới, lại còn phải xin đức tổng giám mục Can-cút-ta đồng ý cho Mẹ được công khai phục vụ người nghèo trên đường phố. Được phép rồi, Mẹ lại phải lo sống và hoạt động ra sao trên đường phố, chẳng còn tiện nghi và an toàn của tu viện. Về tu phục, Mẹ quyết định xếp lại bộ áo dòng của các nữ tu Loreto để khoác bộ y phục đơn giản của một phụ nữ Ấn Độ bình dân, một bộ sari trắng và đôi dép.

Năm 1948, nhận được phép của Đức Thánh Cha Piô XII cho rời cộng đoàn Loreto và sống riêng một mình, Mẹ thuê một nhà trọ nhỏ để khởi đầu sứ vụ mới.

Mẹ dạy các trẻ em trong các xóm nghèo biết chữ và biết giữ vệ sinh. Lớp học là các góc phố tối tăm, tối tăm. Bảng viết là khoảng đất trống trên mặt đường đầy rác bẩn. Qua con cái của họ, Mẹ dần dà làm quen với đám dân nghèo, nạn nhân của bao bệnh tật thể xác, tâm linh. Từ đó, tâm hồn đầy trắc ẩn của Mẹ biết ngay phải làm gì cho họ.

Dòng thác người bất hạnh từ lúc ấy không bao giờ đứt đoạn tuôn đến với Mẹ khiến lúc nào vị nữ tu nhân hậu cũng hầu như kiệt lực. Tuy nhiên, dầu cho luôn luôn tất bật với công cuộc ái từ thiện như vậy, Mẹ không khi nào thiếu sót việc cầu nguyện, bởi vì nhờ biết để đời mình chìm sâu vào cuộc hội thoại thân tình với Chúa, Mẹ tìm được một nguồn trợ lực vững chắc và vô tận. Cuộc đời Mẹ Tê-rê-xa, khi tất cả mọi biến cố thăng trầm được xâu kết lại, nổi bật lên như bằng chứng xác minh cho lời Thánh Phao-lô: “Khi tôi yếu đuối là khi tôi mạnh mẽ.”² Nhờ có Chúa Ki-tô nâng đỡ, thể trạng mong manh và tâm hồn tinh tế của vị nữ tu mới đủ sức đứng vững trước biết bao nghịch cảnh dồn dập, vừa là của những người nghèo khổ, vừa là của chính Mẹ.

Khoảng chừng hơn kém một năm sau, hình như bao nhiêu tâm hồn thiện chí khác chỉ chờ nhìn thấy tấm gương sáng của Mẹ để mạnh dạn bộc lộ cõi lòng nhân ái thiên phú của họ: người thì đóng góp công của, tài năng, và ảnh hưởng xã hội; người thì dâng hiến cả cuộc đời phục vụ người nghèo và bất hạnh theo lý tưởng của Mẹ. Đây là bước đầu hình thành nên hội dòng Nữ Tu Thừa Sai Bác Ái. Số ơn gọi tham dự vào dòng tu mới hình như gia tăng song hành với số lượng những anh chị em nghèo khổ, bất hạnh tấp nập tìm đến với Mẹ Tê-rê-xa để được giúp đỡ: các em mồ côi, các trẻ sơ sinh vô thừa nhận, các bệnh nhân không có thân chăm sóc trong các bệnh viện công, người mắc bệnh phong, người nghiện rượu, người vô gia cư, người di dân...kết thành một danh sách dài đến hầu như vô tận.

Cho ngày cuối đời vào năm 1997, Mẹ Tê-rê-xa vẫn tiếp tục việc phục vụ những người nghèo nhứt trong giai cấp người nghèo, hoàn toàn phó thác cho Thiên Chúa tất cả những gì Mẹ cần phải có để phục vụ họ. Không thể kể hết bao nhiêu vinh dự được truy tặng cho Mẹ, vì cả một thế giới sùng sờ thán phục vì nghĩa cử của Mẹ tận tụy và trân trọng chăm lo cho những con người hầu như chẳng có chút giá trị nào trong con mắt của họ. Đối với chính mình, Mẹ tự coi như “mẫu bút chì của Thiên Chúa, được Người dùng để viết tất cả những gì Người ưa thích.”

Tuổi cao, sức yếu, lưng còng dưới bao công việc và trách nhiệm, nhưng hầu như không gì có thể cản bước 50 năm hăng say phục vụ của Mẹ. Vài tháng trước khi mất, lúc đã quá suy yếu không còn có thể lo việc quản trị được nữa, Mẹ từ nhiệm vai trò dẫn đầu Dòng Thừa Sai Bác Ái, xác tín là công cuộc của dòng sẽ luôn còn tiếp tục.

Cuối cùng, vào ngày 5 tháng 9, năm 1997, sau buổi cầu nguyện ban tối, Mẹ Tê-rê-xa từ biệt cõi trần để đi về cùng Thiên Chúa, về với Tâm Điểm của đời Mẹ.

Hành Trình Lòng Thương Xót Vẫn Tiếp Tục

Tuy nhiên, khác với thông lệ, khi người quá cố thường nhận được lời cầu chúc an nghỉ,³ thì Mẹ Tê-rê-xa lại vẫn còn khá chật vật chờ đợi lòng thương xót của con người.

Trước hết là qua thủ tục tiến hành việc xác minh những điều kiện giáo luật để công bố một vị hiền thánh được tôn kính trong toàn thể Hội Thánh Công Giáo. Có ý kiến không đồng thuận việc tiến hành công cuộc thẩm tra quá sớm, vì e ngại sẽ thiếu khách quan và chịu sức ép tinh thần quá nặng của quần chúng, vì ngay lúc còn sinh thời, Mẹ đã được xem như một vị thánh sống. Do đó, mặc dầu được nhiều lời ủng hộ cho dự án thẩm tra các chứng cứ về đời sống thánh thiện của Mẹ ngay sau khi qua đời, trong đó, phải nói có trọng lượng đáng kể hơn hết chính là ý kiến đồng thuận của Đức Thánh Cha đương nhiệm lúc bấy giờ là Gio-an Phao-lô II. Kết quả, như đã thấy, cuộc thẩm định được coi như chỉ chính thức hoàn tất vào ngày Mẹ được Đức Thánh Cha Phan-xi-cô công khai tuyên bố là hiền thánh ngày 4 tháng 9, năm 2016, nghĩa là gần ngót 20 năm trôi sau khi Mẹ được Lòng Thương Xót của Chúa gọi về với Người. Tóm lại, Mẹ phải khiêm tốn chờ về sau ngày Đức Gio-an Phao-lô được công bố hiền thánh khoảng 2 năm và 4 tháng, dầu đã đi trước đáng kể vị Thánh Phê-rô những 8 năm.⁴

Về phương diện đức tin, thời gian 28 tháng đợi chờ để được chính thức tôn kính trong Hội Thánh không phải là thủ tục nặng nề cho mấy, vì lẽ “trước Thánh Nhan Chúa ngàn năm như thể một ngày.”⁵ Hơn nữa, một khi rời khỏi cõi đời này trong tình nghĩa thân thiết với Thiên Chúa là đã tức khắc được Hiền Phụ trên trời đón nhận vào Lòng Thương Xót Vĩnh Cửu.⁶

Rất cuộc, nỗi gian khổ lớn hơn lại chính là khi Mẹ cần đón nhận được lòng thương xót của con người, mà có vẻ nghịch lý hơn nữa là lòng thương xót của những người dân Can-cút-ta, thành phố từng trở thành quê hương thứ hai cho cuộc đời phục vụ của Mẹ.

Tiếng chì tiếng búa bắt đầu râm ran ngay từ lúc danh tánh Mẹ Tê-rê-xa trở thành điểm chú ý của truyền thông quốc tế.

Một cựu cư dân Can-cút-ta hiện đang sống và làm việc ở Hoa Kỳ lấy làm khó chịu vì địa danh thành phố chôn nhau cắt rốn của mình bị đánh mất căn tính cố hữu của nó khi danh tính và các hoạt động từ thiện của Mẹ Tê-rê-xa dần dần đem đến cho thành phố này một ý nghĩa mới không có gì đáng tự hào, bởi lẽ từ đây nó xuất hiện trước con mắt hiếu kỳ, soi mói của cộng đồng quốc tế trong dung mạo tiều tụy, ốm đói, khốn cùng.⁷

Thiết nghĩ một số địa danh như Na-da-rét, Bê-lem ở Pa-lét-tin quả đã chịu ảnh hưởng của Chúa Giê-su để không còn bé nhỏ, tầm thường nữa trong lãnh địa Giu-đa.⁸ Ngay cả thành phố Rô-ma nổi danh nhiều thiên niên kỷ không chỉ là thủ đô chính trị của nước Ý, mà còn là biểu tượng tinh thần của Ki-tô Giáo toàn cầu, chỉ vì được gắn liền với danh tánh của vị ngư phủ xứ Ga-li-lê, Thánh Phê-rô, Đấng Đại Diện Chúa Ki-tô trên trần gian.

Một trí thức khoa bảng người Ấn Độ cáo buộc Mẹ lợi dụng việc từ thiện để truyền đạo, nên quan tâm chính của Mẹ là mở rộng ảnh hưởng của Ki-tô Giáo chứ không phải là việc chăm sóc bệnh nhân. Cũng có cáo buộc là các cơ sở từ thiện của Mẹ trang thiết bị y khoa nghèo nàn, các nữ tu không được đào tạo chuyên nghiệp, vì thế không chữa trị gì cho bệnh nhân mà chỉ kéo dài thêm đau khổ của họ.

Lời phê phán như trên không phải là không có phần đúng, khi công cuộc từ thiện của Mẹ Tê-rê-xa phải bắt đầu từ con số không của cơ sở vật chất, kinh nghiệm quản trị, kể cả trình độ chuyên môn về y khoa, tâm lý học hay xã hội học. Hơn nữa, các nữ tu Thừa Sai Bác Ái của Mẹ Tê-rê-xa phục vụ như một tổ chức từ thiện bất vụ lợi. Chỉ có một điều chắc chắn là những người nghèo khổ cùng cực bị xã hội từ chối, lãng quên kia, một khi có tay Mẹ Tê-rê-xa và các nữ tu của Mẹ chăm sóc, được hưởng không hề thiếu bất kỳ phẩm chất, giá trị nào dành cho một nhân vị có phẩm giá, có quyền lợi, mà những hạng đại gia hay hoàng thân quốc thích vẫn phải mất biết bao tiền của để mua lấy. Thậm chí, những con người bất hạnh kia còn khiến cho bao kẻ sống trên nhung lụa và ngồi trên chóp đỉnh quyền lực thế giới phải ganh tị, đơn giản vì họ—tương tự như Anh La-da-rô yên ấm ngồi trong lòng Tổ Phụ Áp-ra-ham—⁹ nhận được tình thương yêu, kính trọng của Mẹ Tê-rê-xa và các nữ tu đang phục vụ họ như phục vụ chính Chúa Ki-tô,¹⁰ còn những con người kia, dù có được tiếp đãi trọng vọng, cũng chỉ vì họ đang có tiền bạc và quyền lực.

Một dư luận chống đối khá hiểm độc nữa nhắm vào mối tương quan của Mẹ Tê-rê-xa với một số cá nhân lãnh đạo hoặc chế độ độc tài để xin phép mở cơ sở từ thiện ở các quốc gia bị cộng đồng quốc tế lên án, cấm vận này. Vấn đề những người tung ra luồng dư luận này muốn nêu lên là liệu Mẹ Tê-rê-xa cũng có một tham vọng chính trị nào đó chăng.

Thật ra, mong muốn của Mẹ Tê-rê-xa là không để cho bất cứ một ranh giới địa lý, xã hội, văn hóa, kinh tế và cả chính trị nào giới hạn hành vi bác ái đậm tinh thần Tin Mừng Chúa Ki-tô. Như Thánh Phao-lô, Mẹ cũng sẵn sàng chấp nhận mọi thiệt thòi, oan ức, bất công để Chúa Ki-tô được nhận biết và yêu mến.¹¹ Hơn nữa, cho đến cuối đời Mẹ, chẳng bao giờ có ai đưa ra được bằng chứng khẳng định những cáo buộc chính trị nói trên.

Ngày Vinh Thắng Của Lòng Thương Xót

Giây phút Mẹ Tê-rê-xa được Hội Thánh công khai nhìn nhận như một gương mẫu của đời sống bác ái hoàn hảo, tuy là kết quả tất nhiên của một chuỗi dài bao hoạt động từ thiện tuyệt vời khiến nhân loại say mê ngưỡng mộ, nhưng không hề ngụ ý một dấu chấm hết cho cảm hứng mạnh mẽ sẽ còn tiếp tục tác động trên nhiều thế hệ đang đến.

Vị nữ tu nhỏ nhắn, giản dị và khiêm tốn như Mẹ Tê-rê-xa lại trở thành lời khích lệ đầy uy lực thuyết phục cho mọi Ki-tô hữu thời nay rằng: *ước mơ sống thánh thiện qua công việc bác ái là một việc khả thi, nằm trong tầm với của mọi người.*

Hơn nữa, đức độ khiêm tốn của Mẹ Tê-rê-xa hình như là một thuộc tính luôn gắn chặt với cuộc đời Mẹ: khi còn sinh thời là một nữ tu nhỏ nhắn, giản dị, dễ gần gũi, ngay cả khi đã trở thành một nhân vật được quốc tế kính trọng; khi đã về với Chúa vẫn không để hào quang vinh hiển che khuất nét nhân bản, đặc tính đời thường của mình, hoặc cho phép vẻ linh thánh trấn áp, đe dọa, buộc thiên hạ phải cúi đầu, hạ thấp giọng.

Lòng thương xót của Thiên Chúa bày tỏ nơi thân thể và sự nghiệp của Mẹ chẳng những được cảm nhận trong cuộc đời phục vụ khiêm tốn nhưng thành công rực rỡ của Mẹ, mà còn tiếp tục tỏa sáng mãi trong vai trò vị Thánh Bồn Mạng của những ai muốn trao tặng đời mình phụng sự Chúa Ki-tô nơi những con người bất hạnh nhứt trên đời.

Sau khi đi trọn con đường sứ vụ làm chứng cho tình thương Thiên Chúa, Mẹ Tê-rê-xa đã đạt tới Ngày Vinh Thắng của Lòng Thương Xót của Người.

Ca Khúc Tuyệt Diệu Của Lòng Thương Xót

Nhờ ơn Chúa quan phòng, phép lạ qua lời chuyển cầu của Chân Phước Tê-rê-xa xảy ra tại thành phố Santos, nước Bra-xin, vào năm 2008, phải chờ đến năm năm 2013 mới được được ghi nhận vào hồ sơ xin công nhận hiển thánh, rồi sau đó, mãi đến tháng 12 năm 2015 Tòa Thánh chính thức công nhận. Rốt cục, việc Hội Thánh công bố Mẹ Tê-rê-xa là hiển thánh trở thành một biến cố chính yếu trong Năm Thánh Kính Lòng Thương Xót.

Ngay khi còn sinh thời, Mẹ Tê-rê-xa là tấm gương sáng phản chiếu Lòng Thương Xót Dịu Dàng của Thiên Chúa, bày tỏ ánh sáng tình yêu Thiên Chúa cho biết bao nhiều người thông qua các việc từ thiện, vật chất lẫn tinh thần. Nay từ cõi trời, Mẹ vẫn tiếp tục hoàn thành sứ vụ của Mẹ khi thấp bưng lên ánh sáng soi cho những ai còn sống trong bóng tối của trần gian. Qua việc công khai công bố hiển thánh cho Mẹ, Hội Thánh giới thiệu Mẹ như là một gương mẫu và như một vị giúp chuyển lời cầu cho những ai, giống như Mẹ, ước mong thấp lên ngọn lửa tình thương và bình an cho toàn thể thế giới.

Mẹ quả đúng là vị thánh bồn mạng của những ai đang rất cần lãnh nhận Lòng Thương Xót của Thiên Chúa.¹²

1. Địa danh cũ của thành phố Kolkota ngày nay.

2. 2 Cr 12:10.

3. "Requiescat In Pace" (RIP).

4. Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II và Đức Thánh Cha Gio-an XXIII được công bố hiển thánh ngày 27 tháng 4, năm 2014.
5. Tv 90:4; 2 Pr 3:8.
6. Xc Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, số 1023.
7. Xc <http://www.nbcnews.com/news/world/mother-teresa-s-canonization-controversy-clouds-nun-s-work-n641181>
8. Xc Mt 2:6.
9. Xc Lc 16:23.
10. Xc Mt 25:40.
11. Xc Pl 3:8.
12. Trích Thư Thịnh Nguyễn Công Bố Hiển Thánh cho Mẹ Tê-rê-xa Can-cút-ta, ngày 25 tháng 3, 2016, do Cha Brian Kolodejchuk, Dòng Thừa Sai Bác Ái, chấp bút.

GIA SẢN CHẤT CHIU

MẪU BÚT CHỈ

Có những điều tưởng chừng quá bé nhỏ, tầm thường, nhưng sao cứ lưu trong tâm trí, cứ ám lên trong lòng. Có những nếp nghĩ, nếp làm đơn sơ, nhưng cứ truyền từ đời nọ đến đời kia, ăn sâu vào bản tính, tạo nên nét văn hoá riêng - như một gia sản ở mỗi con người, mỗi gia đình và mỗi dân tộc.

Càng bước xa trong hành trình cuộc đời, người ta lại thường hay ngoảnh lại chiêm ngắm ký ức. Ký ức - có lẽ cũng là nơi đọng lại những gì tinh túy nhất của văn hoá con người. Tôi vẫn thường cảm tạ trời đã ban cho tôi những kí ức đẹp, không phải để hoài niệm, nuối tiếc, nhưng để chất lọc, bồi đắp cho hiện tại và tương lai.

Tôi nhớ ngày ấy, làng tôi sống bằng nghề trồng dâu, nuôi tằm. Sáng sáng, Ông tôi cõng gùi trên lưng đi hái lá dâu. Trưa, trời nắng như đổ lửa, Ông lại cõng gùi về. Bọn trẻ chúng tôi biết trong cái gùi lá dâu to tướng ấy, thế nào ông cũng vùi đâu đó một bụm trái dâu chín mọng, được gói cẩn thận trong hai ba chiếc lá dâu to. Vừa thả cái gùi xuống, chưa kịp gạt mồ hôi, là ông đã lấy ngay bụm trái ra chia cho đàn cháu đang vây quanh. Đứa bé nhất thì được những trái lớn nhất, mọng nhất, còn đứa lớn hơn phải nhận những trái bé hơn, kém ngon hơn. Thường thì ngay lúc ấy, anh Tư của tôi sẽ đi rót một bát nước chè tươi mang đến mời ông. Ông vẫn đứng đó, vừa nhấp nhấp bát nước, vừa ngắm đàn cháu nội hả hê sung sướng ăn dâu, rồi khoe nhau hàm răng tím rìm...

Chỉ là chuyện vài trái dâu tằm cỏn con, hay có lúc là dăm trái ổi, chùm bồ quân..., thế thôi, nhưng lớn lên, chúng tôi vẫn giữ được nếp ấy, có gì ngon, anh em đều chia nhau, đứa lớn nhường đứa nhỏ. Đến lúc anh Hai tôi lập gia đình, Ba tôi họp đàn con tám đứa lại, dạy cho chúng tôi hiểu rằng từ nay mọi người phải chung tay góp sức để giúp anh Hai xây dựng gia đình mới, và phải xử sự tử tế với chị Hai. Anh em chúng tôi ai nấy đều háo hức vì được trao cho nhiệm vụ mới. Cứ thế, tám anh em lần lượt ra đi xây dựng cuộc sống riêng trong sự thương yêu, đùm bọc của nhau.

Mỗi khi trời trở lạnh, tôi lại nhớ cái se se của tiết xuân phả vào đất trời làm lòng người nôn nao. Tôi nhớ những cơn mưa phùn lất phất như sương trong ngày Tết - mà người làng tôi thường gọi là mưa xuân. Dưới cơn mưa ấy, bọn trẻ chúng tôi xúng xính trong bộ quần áo mới, cặp tay nhau vừa đi quanh xóm, vừa hát những bài vè quen thuộc... Những hình ảnh thơ ngây ấy như vẫn tinh khôi đâu đó trong lòng tôi,

để rồi có lúc lại nhắc nhở tôi chớ cầu thả vẽ nên những trang buồn trên cuộc đời con cái mình!

Thuở nhỏ, mấy đứa cháu gái bé tí xíu chúng tôi cứ thích rúc rích bên nách bà để nghe Bà hát dân ca Đất Quảng, hò đối đáp, và cả những câu hát ru rất đậm chất Quảng Nam. Tôi mê lắm! Thuộc vanh vách từng câu. Để rồi khi xa quê hương, di cư vào nam, tôi nhớ thương quê nhà đến rớt nước mắt. Nhớ quá, tôi bèn nghĩ ra trò chơi đứng gập người xuống, mặt cúi sát đất để chỉ nhìn thấy được mỗi khoảng đất dưới chân, rồi tưởng tượng rằng mình đang đứng trên khoanh sân ở quê nhà, chỉ cần nhích qua trái một chút sẽ gặp ngay hàng chè tàu có phủ đầy dây tơ hồng rục rở, nhích lui một chút sẽ đụng cây ổi xá lị có trái thơm lừng, ngọt xót... Và, khi kết thúc trò ấy, bao giờ nước mắt tôi cũng rơi lã chã xuống sân. Lòng tôi nhớ da diết cái đình làng có cây phượng thật to, nhớ khúc sông Quảng Đợi chiều chiều ra bến tắm, nhớ những ngày giỗ, Tết, ngày việc tộc, việc làng đông vui rộn rịp... Những ngày ấy, anh em nhà chú, nhà bác tụm lại chơi với nhau, rồi kéo qua nhà nhau ngủ chung, thân tình biết mấy, vui ơi là vui! Cứ thế, dẫu nghèo mà nghĩa tình đầy như bát nước.

Bây giờ con cái tôi có nhiều thứ “riêng tư” hơn, thích nhốt mình trong phòng với chiếc điện thoại, máy tính, không thích đi ra ngoài - hoặc giả có đi thì chỉ thích đi xem phim, mua sắm hay vào quán cà phê, trà sữa, chẳng hứng thú gì đến chuyện thăm viếng họ hàng, cũng không thích ai đến “quấy rầy” mình. Càng hiện đại, càng dồi dào phương tiện thì người ta càng thưa thớt thăm viếng nhau, tình nghĩa càng nhạt nhẽo, xa cách. Con người “thời hiện đại” - trong đó có tôi - dường như quá say sưa, hồ hởi với cái mới, cái tân thời, nên ơ hờ với những nét đẹp của văn hoá truyền thống đầy nhân nghĩa - một nền văn hoá vốn không cần truyền đạt bằng những ngôn từ hoa mỹ hay những phương pháp được nghiên cứu kỹ lưỡng, mà bằng những hành động cụ thể, và bằng cả tấm lòng. Những điều ấy không ghi vào trí nhưng lắng lại trong tim, trong tiềm thức, và rồi đi vào suy nghĩ, vào đời sống thực tiễn để dần cứ y như đương nhiên nó phải thế thì mới không ray rứt lương tâm.

Thời nay được mệnh danh là thời của “cơn lốc truyền thông”. Chỉ cần một cái “nhấp chuột”, người ta đã có thể biết được chuyện gì đang xảy ở phía bên kia trái đất. Có quá nhiều thứ để biết, quá nhiều thứ để học, và cũng quá nhiều thứ gây hoang mang, cứ cuồn cuộn dồn tới rồi trôi đi, cuốn con người trôi dạt trên bề mặt của cuộc sống mà quên đi tìm cái thẳm sâu của các chiều kích con người. Đứng trước cái hào nhoáng của cuộc sống hiện đại, người ta cứ ngỡ mình ngày càng giàu có, phong phú, nhưng liệu sự “giàu có” đó có hướng đến phục vụ con người, nâng cao nhân phẩm, giữ được cái hồn của văn hoá dân tộc, và hướng xã hội đến sự phát triển toàn diện và bền vững? Hay nó chỉ xô bồ, rỗng tuếch, lai căn, mất gốc, chứa đựng nhiều cạm bẫy và tàng ẩn nhiều hiểm hoạ?

Ông bà, cha mẹ tôi - những nông dân chân lấm tay bùn, những tưởng chẳng có gia sản gì quý giá để lưu lại cho con cháu - thế nhưng những con người đơn sơ ấy đã nhẹ nhàng, nhũn nhặn, ngày qua ngày khắc vào lòng con cháu những ý niệm rất đẹp về nhân, tình, lễ, nghĩa, tín, trung..., và đổ đầy tâm hồn chúng tôi những cảm xúc ngọt ngào về tình yêu quê hương, tổ quốc - thứ cảm xúc cao quý mà nơi không ít những bạn trẻ ngày nay, nó đã bị khô cạn một cách đáng ngạc nhiên và đáng lo ngại. Với tôi, những lùm cùm, chất chiu của ông bà, cha mẹ ngày xưa - những điều mà có lúc tôi đã xem nhẹ - có hay đâu lại chính là những đôi cánh chim câu chở vào đời tôi biết bao nhiêu ý nghĩa!

Tôi sớm tối cặm cụi kiếm tiền để lo cho con cái no đủ, tiện nghi, có học có hành cho bằng anh bằng chị. Bề ngoài có vẻ cũng “khá giả”, nhưng thực chất tận đáy lòng, dường như vẫn có cái gì đó thật cằn cỗi, nghèo nàn so với cái ấm áp, chan chứa nghĩa tình thuở hàn vi.

Chợt chợt dạ tự hỏi: tôi đang tìm kiếm điều gì? “Làm giàu” cho những giá trị nào? Những gì em nào tôi đã giữ được và đã đánh mất? Và nếu như không để lại được cho con cái tôi cái gia sản văn hoá lớn lao mà tôi đã đón nhận được từ ông bà - và đã không làm cho nó dồi dào phong phú hơn - thì thật có lỗi và thật thất bại!

ÔNG BOB KERREY VÀ ‘LÒNG THƯƠNG XÓT’

Đình Vương

Chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Barack Obama từ 23-25 tháng 5 năm 2016 được xem là chuyến đi lịch sử, đánh dấu mốc quan hệ bình thường hóa giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Sáng ngày 23, buổi gặp gỡ chính thức đầu tiên giữa Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Tổng thống Obama, hai bên đã đạt một số thỏa thuận quan trọng, và buổi họp báo chiều cùng ngày, Tổng thống Obama chính thức công bố việc dỡ bỏ lệnh cấm bán vũ khí cho VN, nhưng cho biết thêm, việc mua bán vũ khí còn tùy thuộc yếu tố nhân quyền của Việt Nam. Ông cũng bày tỏ lạc quan, vui mừng khi Đại học Fulbright chính thức được nhà nước cấp phép hoạt động, thêm nữa, Đoàn Hòa bình “Peace Corps” sẽ đến giúp VN trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển cộng đồng, môi trường, y tế và thanh thiếu niên, trước mắt, dạy tiếng Anh và đào tạo giáo viên dạy tiếng Anh.



Như để thể hiện thiện chí từ phía VN khi cho phép mở Đại học Fulbright, sáng 25 tháng 5 dưới sự chứng kiến của Bí thư Đinh La Thăng và Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Kerry, Chủ tịch UBND TPHCM Nguyễn Thành Phong đã trao quyết định thành lập trường Đại học Fulbright Việt Nam (FUV) cho ông Bob Kerrey Chủ tịch FUV. Các văn kiện ký kết vẫn còn mới, chưa ráo mực thì báo mạng Zing của VN chất vấn ‘vai trò Chủ tịch Đại học Fulbright VN (FUV) của ông Bob Kerrey, và BBC liên tục đưa tin với nhiều quan điểm trái chiều. Bài viết này cũng xin

được đóng góp một góc nhìn khác về cách ‘đối nhân xử thế’ trong sự kiện ông Bob Kerrey xuyên qua ‘Lòng Thương Xót’

Một Chút Về Lòng Thương Xót Và Năm Tháng Lòng Thương Xót

Lòng thương xót không phải là từ ngữ ủy mị và cũng không phải là khái niệm trừu tượng xa rời cuộc sống. Không nên nhầm lẫn với lòng thương hại chỉ là cảm xúc tự nhiên chóng qua, nó chỉ là nghĩa cử ‘chợt đến, chợt đi’. Một từ ngữ khác, lòng trắc ẩn, cũng diễn tả ý nghĩa của lòng thương xót. Trong hai chữ trắc ẩn 惻隱 đều hàm chứa lòng thương xót, tự điển Thiều Chửu và nhiều tự điển Hán Việt khác cùng giải thích *thương xót, xót xa, bùi ngùi*. Lòng thương xót không nở làm khổ ai hay trông thấy sự khổ của người khác gọi là trắc ẩn.

Lòng thương xót một đặc tính yêu thương cao quý chỉ có nơi con người. Kinh Thánh Cựu Ước, tiếng Hêbrơ dùng chữ rahanim hàm chứa tấm lòng (entrailles) và tử cung (utérus) của người mẹ mang nặng đẻ đau trước khi bé chào đời, từ VN tương ứng và sát với nghĩa này là lòng dạ.

“Một chút lòng thương xót sẽ làm cho thế giới ít lạnh lùng hơn và công chính hơn...”

Ngày 17 tháng ba 2013, buổi đọc kinh Truyền tin đầu tiên với các tín hữu ở quảng trường thánh Phêrô sau khi mới được bầu chọn giáo hoàng, Đức Phanxicô đã bày tỏ như trên về lòng thương xót. Ngày 11.04.2015, ngài ban hành Thông điệp *Misericordiae Vultus* (*Dung Mạo Lòng Thương Xót*), công bố Năm Thánh Lòng Thương Xót, kéo dài từ ngày 8.12.2015, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đến ngày 20.11.2016, lễ Chúa Kitô, Vua Vũ Trụ.

Dung mạo lòng thương xót thể hiện rõ ràng qua Đức Giêsu Kitô *“Chúa Giêsu Kitô chính là dung mạo lòng thương xót của Chúa Cha. Mầu nhiệm Kitô giáo được tóm tắt đầy đủ trong mệnh đề này. Lòng thương xót đã trở nên sống động và hữu hình nơi Đức Giêsu thành Nazareth, và đạt đến đỉnh cao nơi Người. Chúa Cha, Đấng “giàu lòng thương xót” (Eph 2,4)... đã sai Người Con duy nhất đến thế gian... để mạc khải cho chúng ta biết trọn vẹn tình yêu của Người. Ai thấy Đức Giêsu là thấy Cha (Ga 14,9). Đức Giêsu Nazareth đã mạc khải lòng thương xót của Thiên Chúa bằng lời nói, hành động và bằng cả bản thân Người. (Misericordiae Vultus, số 1).*

Logo Năm Thánh với khẩu hiệu: *“Thương xót như Chúa Cha” (Lc 6,36)*, muốn nhắn nhủ người tín hữu: Nếu tên của Chúa là thương xót thì tên của người tín hữu phải phản ánh lòng thương xót Chúa, được mời gọi hãy sống và thực thi lòng thương xót Chúa trong môi trường sống của mình, thực thi lòng thương xót đối với tha nhân bằng thái độ tôn trọng kẻ khác, biết cảm thương và chia sẻ những nỗi đau của tha nhân, và tha thứ một sự tỏ bày yêu thương hoàn hảo quan trọng của Lòng Thương Xót.

Lòng thương xót là cần thiết, không chỉ dành cho tín hữu Công giáo mà cho hết mọi người, thánh Gioan-Phaolô II, trước đây, khi công bố Thông điệp *“Dives in Misericordia”* (*Giàu Lòng Thương Xót*) tại Roma ngày 30 tháng 11 năm 1980, nhấn mạnh lòng thương xót của Chúa là một ưu phẩm kỳ diệu, mạnh mẽ hơn tất cả mọi sự dữ có mặt trong thế gian, lòng thương xót không làm con người bị bẽ mặt, nhưng trái lại, ban tặng cho con người một giá trị mới. Trong Thông Điệp này, thánh Gioan Phaolô II cất nghĩa tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa đối với chúng ta qua việc giải nghĩa dụ ngôn người con hoang đàng. Ngài hy vọng Thông điệp là *“một lời kêu gọi chân thành của Giáo Hội về lòng thương xót mà nhân loại và thế giới hiện đại rất cần”*.

Lòng thương xót, mercy (Anh), miséricorde (Pháp) và tiếng Latin misericordia, “Chữ misericordia trong tiếng La Tinh có nghĩa đen là có tâm hồn gần người nghèo (*miseri*); có quả tim cùng đập một nhịp với người nghèo”, hồng y Kasper, tác giả cuốn sách suy tư về lòng thương xót có ảnh hưởng đến triều giáo hoàng Phanxicô, nhắc lại.

Hai từ thương xót của người Việt cũng thấm thía. Thương, tự nó biểu thị sự rung cảm trước nỗi khổ của đồng loại. Xót, khiến người ta phải hành động bằng những việc làm đầy nhân ái, yêu thương trong nhiều cử chỉ dù nhỏ bé nhất... Dụ ngôn người Samaritanô (x. Lc 10, 25-37) nhân hậu phản ánh đúng hai từ thương xót này. Đây là chuyện kể nổi tiếng nhất trong Tin Mừng và ảnh hưởng của nó sâu rộng đến nỗi trong văn hoá phương Tây ngày nay, thuật ngữ "Người Samaritanô" được dùng để chỉ người luôn mở rộng lòng nhân ái, sẵn sàng ra tay giúp đỡ những người khốn khó. Thương bằng lời thôi chưa đủ mà nên xót bằng hành động. Thương xót!

Bob Kerrey Là Ai ? Tại Sao Lại Đặt Vấn Đề ?

Ông Bob Kerrey từng là thượng nghị sĩ của bang Nebraska, từng là ứng viên vị trí tổng thống Mỹ năm 1992, hiện nay là Chủ tịch hội đồng tín thác (President of Board of Trustees) của Đại học Fulbright Việt Nam. Ngoài ra, ông cũng là một nhà quản lý giáo dục rất xuất sắc khi tham gia lãnh đạo Đại học Harvard và New School. Các chuyên gia giáo dục liên quan đến dự án thành lập FUV rất tin tưởng vào vai trò của ông Kerrey.

Trong chiến tranh Việt Nam, Kerrey là một đại úy hải quân và từng liên quan đến vụ thảm sát ở xã Thạnh Phong, Bến Tre vào năm 1969.

Báo mạng Zing, tờ báo mạng đầu tiên, ngày 30.5, đặt lại vai trò Chủ tịch Đại học FUV bằng cách trích dẫn chi tiết phóng sự điều tra “Một đêm kinh hoàng ở Thạnh Phong” của Gregory L. Vistica viết cho New York Times hồi năm 2001. BBC cho biết, (trích nguyên văn) bài viết đầu tiên ở Zing có tựa đề “Lãnh đạo Đại học Fulbright tham gia thảm sát trong Chiến tranh Việt Nam” hiện đã bị lược bỏ nhiều và **thay bằng tựa** “Lãnh đạo Đại học Fulbright xin lỗi việc gây ra trong chiến tranh”. Trong bản đầu tiên của bài viết, hiện vẫn còn **bản lưu**, tác giả Thanh Tuấn nhắc lại chi tiết vụ thảm sát ít nhất 13 phụ nữ và trẻ em ở xã Thạnh Phong, Bến Tre hồi tháng Hai năm 1969 mà cựu Thượng Nghị sĩ Bob Kerrey, người vừa được cử làm lãnh đạo Đại học Fulbright, bị cho là có “tham gia”; và bình luận: “Việc lựa chọn một người từng tham gia những tội ác nghiêm trọng như vậy trong cuộc chiến để lãnh đạo một dự án đại học quan trọng khiến nhiều người đặt dấu hỏi liệu đó có phải là quyết định phù hợp. Đặc biệt khi ông Kerrey không phải thật sự thành công với dự án Đại học New School mà ông từng làm hiệu trưởng từ 2001-2010 ở New York.”

Phản ứng của ông Bob Kerrey

Bob Kerrey không ngần ngại nhận sai lầm quá khứ của mình, viết cho BBC ngày 31.5 “Hành động của tôi ở Việt Nam là kinh khủng và tôi tin là đã được xem xét kỹ...” Trước đó, ông cũng email cho Zing với lời xin lỗi nhân dân Việt Nam một cách thành khẩn: *“Tôi đã xin lỗi người Việt về những gì tôi gây ra trong chiến tranh và giờ tôi xin lỗi lại một lần nữa. Một cách chân thành và cùng những nỗi đau của ký ức mãi mãi ám ảnh, tôi xin lỗi những người mà tôi đã gây hại tới”.* Chẳng những xin lỗi suông, Bob Kerrey còn muốn thực hiện việc làm cụ thể để hồi lỗi: *“Nhưng một lời xin lỗi sẽ luôn là không đủ. Nó giống như món súp cá mà thiếu con cá vậy. Vì thế, tôi cố gắng giúp người Việt mỗi khi có thể. Như đóng góp chấm dứt đạo luật TWEA (coi Việt Nam như nước thù địch), bình thường hoá quan hệ, ủng hộ đàm phán BTA, và đặc biệt là ủng hộ nỗ lực cải thiện hệ thống giáo dục Việt Nam thông qua chương trình Fulbright.”*

Dự luận trái chiều về Chức danh Chủ tịch FUV của ông Bob Kerrey

Để chấp nhận sự hiện diện của ông Bob Kerrey trong chức vụ Chủ tịch FUV là điều không dễ dàng khi truyền thông VN khơi lại nỗi đau thương mất mát người dân VN phải chịu đựng qua “Đêm kinh hoàng ở Thạnh Phong, Bến Tre”

“Mắt đền mắt, răng đền răng”, đó là công thức của luật báo thù. Người ta xúc phạm đến tôi bao nhiêu, tôi phải làm lại cho người đó bấy nhiêu. Đó là đòi hỏi chính đáng tự nhiên lý luận về công bằng. Luật trả thù này đã được ghi chép thành văn trong bộ luật của vua xứ Babylon năm 1750 TCN. Trong Bộ Ngũ Kinh, người ta cũng có thể đọc thấy vài công thức của luật trả thù này.

Vậy nên, không ngạc nhiên khi Zing đưa bài viết của Bà Tôn Nữ Thị Ninh với tựa đề “Lẽ nào không còn ai khác ngoài ông Bob Kerrey?”, rồi truyền thông VN “dậy sóng”, báo Người Lao Động đã không ngại phê phán vai trò Chủ tịch FUV của ông: *“Riêng người dân, họ không được lý giải vì sao ông Bob Kerrey từng dính líu đến vụ thảm sát ở Thạnh Phong, nay trở lại Việt Nam không phải để xin lỗi mà làm "chủ tịch" một trường ĐH dạy theo kiểu Mỹ tại Việt Nam. Đó là lý do tại sao từ khi biết quá khứ của cựu thượng nghị sĩ Bob Kerrey, mạng xã hội dậy sóng. Nhiều người đặt câu hỏi và thử tự trả lời: Tha thứ hay tiếp tục thù hận?”*

Nhưng lòng thù hận có giải quyết được gì đâu, liệu sự công bình ở đây có thể là một phương thuốc chữa lành vết thương dân chúng Thạnh Phong từng chịu đựng? Kinh nghiệm quá khứ và hiện tại cho thấy chỉ có công bình không thì chưa đủ, và thậm chí công bình có thể dẫn đến chỗ phủ nhận những việc ông đang làm cho nhân dân VN như để chuộc lỗi lầm, và cũng huỷ diệt lòng vị tha nhân ái vốn có nơi mỗi người VN.

Không phải mọi người dân VN “tiếp tục thù hận”, họ thấy rằng tha thứ ở trong trường hợp này là chính đáng. Ngoài nhận định có tính cách chính trị, phiên họp báo thường kỳ chiều 2.6, phóng viên Báo điện tử Infonet đã đặt câu hỏi tới Bộ Ngoại giao và nhận được câu trả lời từ Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Hải Bình *“Những đau thương mất mát mà người dân Việt Nam trải qua trong chiến tranh là rất to lớn và không có gì có thể bù đắp được. Hậu quả chiến tranh là vấn đề mà Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã và đang không ngừng nỗ lực giải quyết. Với truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam và trên tinh thần gác lại quá khứ, vượt qua khác biệt, phát huy tương đồng, hướng tới tương lai, chúng tôi luôn nỗ lực hợp tác, tăng cường hiểu biết và thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ”,* các nhận định khác đều biểu hiện tính nhân văn trong cách ứng xử của người VN.

BBC làm cuộc phỏng vấn nhiều nhân vật được nhiều người biết đến: Nhà báo Trương Huy San; Bà Đỗ Thị Minh Thùy, chuyên gia về truyền thông, sau khi thực hiện chuyến đi về Thạnh Phong, gặp những nhân chứng ngày nào... bà viết trên báo Time *“...Con người mạnh dạn đối mặt với những gì xảy ra trong quá khứ, ngoài việc gửi những lời xin lỗi tới nạn nhân từ đáy lòng và hơn hết là nỗ lực làm việc không ngừng để bù đắp tội lỗi gây ra sẽ là người thanh thản bước tới.”* Ông Lương Hoài Nam, cựu Tổng giám đốc hãng hàng không Jetstar viết trên Facebook rằng ông chọn tha thứ: *“Ở tuổi 74, ông trở lại Việt Nam với một dự án đại học phi lợi nhuận như nỗ lực cuối đời với đất nước nơi mà ông đã từng phạm sai lầm, ta lại đuổi ông đi, tôi cảm thấy không yên tâm với chính bản thân tôi.”* Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, chuyên nghiên cứu về quan hệ quốc tế tại đại học George Mason, Washington DC cho rằng, trong việc này chỉ có một câu hỏi rõ rệt là “có tha thứ hay không tha thứ”. *“Có hai điều, thứ nhất, là nó phù hợp với truyền thống mà Việt Nam vẫn nói là rộng lượng và tha thứ, thứ hai là phù hợp với chính sách của chính phủ là gác quá khứ, hướng tới tương lai”.*

Gần đây nhất, trả lời Tuổi trẻ (ngày 4.6) xoay quanh những tranh cãi sự kiện Bob Kerrey, Bí thư Thành ủy TPHCM Đinh La Thăng nói *“Tôi thiết nghĩ trong vấn đề liên quan đến ông Bob Kerrey, chúng ta nên được soi sáng bởi cách xử lý và truyền thống tự trọng, nhân ái, vượt qua thù hận, vị tha, và hướng tới tương lai của ông cha ta trong suốt chiều dài lịch sử hào hùng của dân tộc. Nếu chúng ta không giấu lòng tha thứ, thì*

dân tộc này đã không thể mạnh mẽ và đáng được kính trọng như ngày hôm nay. Lịch sử thì không thể thay đổi, nhưng tương lai lại tùy thuộc vào mỗi chúng ta. Vượt lên thù hận, chúng ta sẽ chỉ càng cho thấy chúng ta mạnh mẽ và cao lớn về tâm vóc văn hóa.”

Sự Kiện Ông Bob Kerrey Giúp Tội Nhậm Ra Giá Trị Lòng Thương Xót

Những tranh cãi về vai trò Chủ tịch FUV của Bob Kerrey chưa phải chấm dứt. Tha thứ hay không tha thứ, tùy quan điểm mỗi người. Bob Kerrey vẫn là Bob Kerrey, người ta không thể quên quá khứ từng ‘nhúng máu’ ở Thạnh Phong, Bến Tre của ông nhưng cũng không thể phủ nhận lời xin lỗi chân thành và việc làm như để tạ lỗi của ông hiện nay. Và lại, Kerrey cũng không phải là người quá tha thiết chức vụ Chủ tịch, hãy ghi nhận lời ông nói: *“Tôi chắc chắn là có nhiều người đủ khả năng để làm chủ tịch và tôi sẽ vui lòng rút lui nếu tôi thấy vị trí của tôi ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển của trường”*, trả lời Nhà báo Nguyễn Hùng đài BBC.

Rồi những tranh cãi về Ông Bob Kerrey sẽ khép lại và Đại học Fulbright VN vẫn tiến hành như đã thỏa thuận, nhưng còn đó lời kêu mời của các thông điệp về Lòng Thương Xót có liên quan đến sự kiện này: Người Việt sẽ nhân bản hơn nếu bên cạnh sự công bình có lòng thương xót của sự tha thứ khi ứng xử giữa người với người, đó là điều kiện nền tảng của sự hoà giải. Nếu thiếu tình thương xót thì sự công bình chỉ như chiếc máy chém lạnh lùng và con người có thể lạm dụng sự công bình phục vụ tính ích kỷ của mình. Thánh Thomas d’Aquin *“Công chính mà không có lòng thương xót chỉ là hung ác, thương xót mà không công chính là mẹ của bê tha trụy lạc”*, Hồng y Kasper nhắc nhở tín hữu khi nhìn người để thực thi Lòng Thương Xót *“Đánh giá công minh, không hành xử như máy chém nhưng chừa một cánh cửa cho lòng thương xót, có nghĩa là để cho người kia có được một bước khởi đầu mới nếu họ có thiện tâm”*.

Ghi Chú:

1/ Chi tiết về Ông Bob Kerrey, xin vào BBC xem mục viết về Bob Kerrey và Đại học Fulbright VN và những bài viết liên quan.

2/Liên quan đến Năm thánh Lòng Thương Xót xin vào <http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/NamThanh/LongThuongXot/MainLTXChua.html> với nhiều bài viết đề cập đến Lòng Thương Xót.

Đó là hai nguồn tư liệu chính của bài viết này. Bạn cũng có thể tìm thêm thông tin đến Ông Bob Kerrey, vào google gõ “Bob Kerrey” có “Khoảng 676.000 kết quả (0,57 giây) “

SOI MÌNH TRƯỚC NĂM THÁNH LÒNG THƯƠNG XÓT

Minh Hiền

Tôi là người Công giáo Việt Nam đang bị bế tắc trăm chiều trong tư tưởng.

Nhìn ra thế giới, thấy bao nhiêu là gương sáng: Mẹ Tê-rê-sa sống cho đi, Chân phước linh mục Maxmilian Kolbe sống hy sinh, ông Gandhi sống vì người, ông Bill Gate sống chia sẻ...

Các vị ấy đã vươn tới tình yêu con người, vượt qua những cách sống vun quén cho riêng mình, chỉ cho gia đình mình, khu vực mình, đất nước mình.

Quay lại tôi, soi tôi vào Năm Thánh Lòng Thương Xót Chúa, tôi rơi vào “mặc cảm”!

- Gia đình tôi khá giả dù đất nước điêu tàn, anh em tôi thành đạt, có người đã đi du lịch năm châu bốn biển. Thế hệ chúng tôi nay lại nai lưng ra lo cho con cháu học cho thành tài, cho đi du học đợt hai. Các cháu nhỏ thì lo cho học Anh văn, học bơi, học đàn.

Tất một lời, gia đình lo cho phát triển gia đình, không còn hơi sức đâu mà lo cho phát triển con người của vùng miền, của quốc gia, của nhân loại.

- Tôi có thấy nước tôi chiến tranh, điêu linh trăm họ. Tôi biết nước tôi nghèo, đang bị Trung quốc o ép, đã vậy, thể chế chính trị nước tôi lại tuyên bố vô thần, nước tôi phải đi vay mượn nước lớn. Có lúc rơi vào bế tắc như cụ Tân Đà, sau khi soi gương vào lịch sử thì muốn tự nhận mình là “ngu quá lộn”. Khi quá mệt mỏi mà chẳng làm gì, thì tự ru mình là “đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt”, tôi tự an ủi: vun quén cho gia đình mình là quá tốt rồi. Điểm mười so với người.

-Bạn bè giúp tôi phân nhóm Việt Nam, càng làm cho tôi rơi vào mặc cảm rằng dân Việt Nam đa phần là sống vun quén cho mình, cho gia đình mình, cho nhóm mình mà thôi:

Nhóm nghèo, phải mưu sinh, phải kiếm miếng ăn cho khỏi đói.

Nhóm mất đất mất ruộng, uất hận thấu trời xanh.

Nhóm ở ngoài guồng máy lợi ích nên chả thể làm gì cho mình và người.

Nhóm con ông cháu cha thì lo cho mau giàu bất kể dân tình.

Nhóm đã giàu thì tìm cách đi khỏi Việt Nam.

Nhóm có công với cách mạng thì chưa thể lo cho nhóm “Ngụy”.

Nhóm đi tu, hiện giờ chỉ có thể lo cho dòng tu mình, chùa chiền của mình, xứ đạo của mình.

Nói chung, tôi mang mặc cảm mình thuộc một dân tộc đang phân mảnh rã rời, rơi vào khủng hoảng tận đáy. Vì quá nhiều khủng hoảng vây bủa nên khó vươn tầm rộng ra tới anh em đồng bào, tới người bốn biển năm châu, tới nhân loại. Người Việt Nam cố chu toàn được trách nhiệm bản thân, gia đình, nhóm nhỏ là mừng hóm rồi. Có bị trách là vô

cảm thì cũng đành chịu vậy, xin đừng có ai đòi tôi làm cả TRÁCH NHIỆM VỚI CON NGƯỜI PHỔ QUÁT, con người thế giới.

Nghĩ ngợi lung tung, tôi mới quay ra đọc cho kỹ Tông Chiếu Ân Định Năm Thánh Ngoại Thường về Lòng Thương Xót thì thấy rằng:

- Tôi không được THỜ Ơ với tất cả các người, các nhóm, nhất là phải đấu tranh với “các tổ chức tội phạm”, “tham nhũng” vì những người đó gây ra “các vết thương mưng mủ” cho nhân loại (Tông chiếu số 19).

- Tôi phải THAY ĐỔI cuộc sống, phải “lắng nghe tiếng khóc của người dân vô tội đang bị tước đoạt tài sản, nhân phẩm, cảm xúc, cuộc sống” (Tông chiếu 19).

- Sống Lòng Thương Xót thì buộc phải sống công lý và sống tình yêu, và nhất là phải “Đặt Đức Tin Lên Đầu” (Tông chiếu 20).

Khi đã soi gương Lòng Thương Xót, tôi thanh thản hơn.

Tôi sẽ tập sống có liên hệ hơn (Tông Chiếu số 23 khuyên gặp gỡ đối thoại với Do Thái giáo và Hồi giáo...và những truyền thống tôn giáo cao quý khác để cho ta biết và hiểu người khác, ta dẹp đi đầu óc khép kín, dẹp đi sự thiếu tôn trọng, dẹp phân biệt đối xử).

Tôi hướng đến Mẹ Maria để tái khám phá Thiên Chúa dịu dàng (Tông chiếu 24). Lâu nay lòng ta chai cứng quá.

Tôi hướng đến các Thánh, các Chân Phước đã rao truyền Lòng Thương Xót (Tông chiếu 23).

Tóm lại, tôi sẽ bị Thiên Chúa làm cho ngạc nhiên vì thấy có Lòng Thương Xót vô biên vô tận, không VUN QUÉN cho riêng mình.

Nhờ sống Xót Thương, tôi trở thành sứ giả thuyết phục cho thời đại đang mất niềm hy vọng. Đương nhiên, dân tộc tôi sẽ được hưởng nhờ khi có nhiều cái tôi hết vun quén cho riêng mình.

THỰC THI LÒNG THƯƠNG XÓT ĐỀ PHÚC ÂM HÓA XÃ HỘI (*)

Tôma Hoàng Kim Khánh

Ánh Mắt Của Đức Giêsu Kitô



1. Tin Mừng thánh Gio-an (Ga 8, 1-11) tường thuật: Các kinh sư và người Pha-ri-sêu dẫn một người phụ nữ phạm tội ngoại tình đến gặp Đức Giê-su và hỏi Ngài nên xử người này như thế nào.

Đức Giê-su biết, theo luật Mô-sê thì người này sẽ bị ném đá cho đến chết, Ngài ngồi im lặng. Các kinh sư và người Pha-ri-sêu cứ hỏi mãi, Ngài bảo họ: Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi. Nghe vậy, họ bỏ đi hết, chỉ còn lại Đức Giê-su, và người phụ nữ. Đức Giê-su nhìn bà và nói: Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị. Chị về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa!

2. Tin Mừng thánh Lu-ca (Lc 22, 54-62) tường thuật: Sau khi bắt Đức Giê-su, đám đông điệu Ngài đến dinh thượng tế Cai-pha, Phê-rô đi theo Ngài xa xa. Đến dinh, ông ngồi lẫn trong đám đông, có người nhận ra, hỏi ông có phải là người thuộc nhóm Giê-su không. Cả ba lần Phê-rô đều chối, nhưng ở lần thứ ba, lúc ông còn đang nói, thì gà gáy, Chúa Giê-su quay lại nhìn ông.

Hoán Cải Và Biến Đổi Tâm Hồn

Hai người, hai hoàn cảnh khác nhau: Người phụ nữ phạm tội ngoại tình chưa nhận biết Đức Giê-su; còn Phê-rô biết rõ Đức Giê-su là “Con Thiên Chúa” (Ga 6,69) và trước đó ông đã từng, “Bỏ Thầy, chúng con biết theo ai, vì chỉ có Thầy mới có lời ban sự sống” (Ga 6,68).

Nhưng điều gì trong ánh mắt nhìn của Đức Giê-su, làm cho người phụ nữ ngoại tình hoán cải trở nên người tốt lành; và với Phê-rô, khiến “ông lấy lại lòng nhiệt huyết thương đầu để đi theo Thầy sau khi biết mình đã phạm tội.” [1]

Nếu lúc bấy giờ, Đức Giê-su khinh khi, kết án bà thì chắc chắn bà đã bị ném đá đến chết rồi?; Đức Giê-su kết án Phê-rô là dối trá, phản thầy thì đã không có một Phê-rô Giáo hoàng đầu tiên của Giáo Hội, một thánh Phê-rô tử đạo, ... ?

Chính lòng thương xót của Đức Giê-su biểu hiện qua ánh mắt thương cảm, độ lượng; thái độ ân cần đã giúp người phụ nữ, và Phê-rô hoán cải và biến đổi.

Cũng như vậy, Da-kêu, Mát-thêu, Ma-đa-lê-na, ... và mỗi người chúng ta cũng đã, sẽ được hoán cải và biến đổi nhờ Lòng thương xót Chúa.

Chúng Ta Được Mời Gọi Thực Thi Lòng Thương Xót Để Phúc Âm Hóa Xã Hội [2]

1. Vì lòng thương xót được ban cho chúng ta trước,

Sau khi nguyên tổ A-đam - E-và phạm tội, Thiên Chúa đã không muốn bỏ mặc con người dưới quyền lực của sự dữ. Rồi “Lúc đến thời gian viên mãn” (Gl 4,4), khi mọi sự đã được sắp xếp đúng theo kế hoạch cứu độ, Ngài sai Người Con duy nhất của Ngài đến thế gian, được sinh ra bởi Trinh Nữ Maria, để mặc khải cho chúng ta biết trọn vẹn màu nhiệm tình yêu của Ngài (1 Ga 4,8.16).

Trong Cựu Ước, lòng thương xót của Thiên Chúa được thể hiện cách cụ thể qua nhiều hành động trong lịch sử cứu độ, nơi mà lòng nhân hậu của Ngài chiếm ưu thế hơn là trừng phạt và hủy diệt. Ngài thứ tha mọi lầm lỗi, chữa lành bệnh hoạn, cứu chuộc sự sống, vinh thăng người với lòng thương xót và lòng trắc ẩn (Tv 103,3-4); Ngài giải thoát tù nhân, mở mắt cho kẻ đui mù, nâng dậy những người bị áp bức, yêu thương người công chính, bảo vệ khách kiều cư, nâng đỡ cô nhi quả phụ và phá tan lối đi của người gian ác (Tv 146,7-9); Ngài chữa lành những người bị dập nát tâm can và băng bó các thương tích của họ,... nâng dậy những kẻ bị chà đạp, hạ kẻ gian ác (Tv 147,3.6).

Nơi Đức Giê-su Na-za-rét, lòng thương xót của Chúa Cha trở nên sống động, hữu hình, và đạt đến tột đỉnh. Thật vậy, khi nhìn đám đông dân chúng đi theo mình, Chúa Giêsu thấy họ mệt mỏi và kiệt sức, lạc loài và không người chăn dắt, Ngài đã chạnh lòng thương (Mt 9,36), chữa lành các bệnh nhân được mang đến với Ngài (Mt 14,14), cho đám đông được ăn no thỏa (Mt 15,37). Ngài cho người con bà góa thành Na-in hồi sinh từ cõi chết (Lc 7,15). Ngài trừ quỷ cho một người ở Ghê-ra-sa (Mc 5,19). Việc tìm gặp Da-kêu (Lc 19,1-10), mời gọi Mat-thêu cũng xảy ra trong khung cảnh của lòng thương xót (Mt 9,9-13), ... Và hành động tử nạn - phục sinh vinh hiển của Đức Giê-su là tột đỉnh của lòng thương xót Ngài dành chúng ta vì “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15,13).

2. chúng ta được mời gọi thực thi lòng thương xót

Từ dụ ngôn "người đầy tớ nhân tâm" (Mt 18,23-35): Khi bị chủ đòi một món tiền nợ khổng lồ, hắn đã quỳ xuống van xin và chủ đã tha hết nợ cho hắn. Nhưng sau đó hắn gặp một người cũng là đầy tớ như hắn, người này mắc nợ hắn vài xu, và anh ta quỳ xuống van xin hắn thương tình, nhưng hắn từ khước và tống người kia vào tù. Khi chủ nghe biết thì vô cùng tức giận, gọi hắn lại mà bảo: "Tại sao người không thương xót bạn người như ta đã thương xót người?" (Mt 18,33). Đức Giê-su dạy chúng ta, "Hãy thương xót như Cha các con là Đấng đầy lòng thương xót" (Lc 6, 27).

Lòng thương xót không chỉ là một hành động của Chúa Cha, nhưng còn là tiêu chuẩn để nhận biết ai là con cái thật của Ngài. Vì thế, là người Ki-tô hữu, chúng ta được mời gọi thực thi lòng thương xót, vì lòng thương xót đã được ban cho chúng ta trước. Điều này, đòi hỏi nhiều cố gắng nơi mỗi chúng ta nhưng cũng là niềm vui và an bình cho mỗi chúng ta.

3. bằng cách biến lòng thương xót thành những hành động cụ thể (nếp sống riêng).

- Trước tiên, hãy “đừng phán xét cũng đừng lên án”. Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc nhở “Những lời nói chứa đầy đổ kỵ và ganh ghét đã gây ra biết bao tai hại. Nói xấu người anh chị em vắng mặt, chẳng khác gì đẩy người ấy vào bóng tối, làm mất thanh danh và gây tiếng xấu cho người ấy. Ai không đoán xét và lên án, sẽ nhận ra được điều tốt vẫn có nơi mọi người, và không làm người khác đau khổ vì sự xét đoán bất cập và vì tính tự phụ của chúng ta, cho rằng mình biết hết mọi sự.”

- “Nhưng điều đó vẫn chưa đủ để thể hiện lòng thương xót”, phải “biết tha thứ và sẵn sàng cho đi. Hãy trở thành khí cụ của ơn tha thứ vì Thiên Chúa đã vô cùng rộng lượng khi tuôn đổ lòng hảo tâm của Ngài trên chúng ta.”

- Thực hành những hành vi của lòng thương xót, về phần xác cũng như phần hồn, chẳng hạn: Thương xác bầy mối, đó là cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống, cho kẻ rách rưới ăn mặc, viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc, cho khách đỗ nhà, chuộc kẻ làm tội, chôn xác kẻ chết. Và chúng ta đừng quên Thương linh hồn bầy mối, đó là lấy lời lành mà khuyên người, mở dạy kẻ mê muội, yên ủi kẻ âu lo, răn bảo kẻ có tội, tha kẻ dễ ta, nhin kẻ mất lòng ta, cầu cho kẻ sống và kẻ chết.

Điều mong muốn của Đức Giáo hoàng Phan-xi-cô

Qua Tông sắc Dung mạo lòng thương xót, đặc biệt trong Năm Thánh Lòng Thương xót, Đức Giáo hoàng Phan-xi-cô mong muốn mọi người Ki-tô hữu “hãy liên lý chiêm ngưỡng màu nhiệm của lòng thương xót”. Điều đó, không chỉ giúp mỗi người trở thành dấu chỉ hữu hiệu cho lòng thương xót của Chúa Cha mà còn là điều kiện để mỗi người chúng ta lãnh nhận ơn cứu độ.

Trong xã hội, khi mà sự đố kỵ, ganh ghét, vô cảm, ... vẫn còn đó; bất công, áp bức, nghèo khó và đau khổ, ... vẫn là điều mà nhiều người đang gánh chịu thì lòng độ lượng, tha thứ và những hành vi bác ái tinh thần, hoặc vật chất của mỗi chúng ta trở nên chứng từ đầy thuyết phục về lòng thương xót làm cải hóa và biến đổi mọi người, và cứ thế làm thay đổi dần xã hội chúng ta đang sống ngày một trở nên tốt lành hơn như Chúa hằng mong ước.

Quả thật, “Người thời nay sẵn sàng nghe những chứng nhân hơn là thầy dạy và người ta có nghe theo thầy dạy là vì thầy dạy cũng là chứng nhân” [3].

Chú thích:

(*) Cảm nhận từ Tông sắc “Dung Mạo Lòng Thương Xót”, của ĐGH Phan-xi-cô.

[1]. Bài giáo lý của ĐGH Phan-xi-cô trong Thánh lễ sáng 22/5/2015 tại Nguyện đường Santa Marta.

[2]. Theo Tông Sắc “Dung Mạo Lòng Thương Xót”, của ĐGH Phan-xi-cô.

[3]. Chân phước Giáo hoàng Phao-lô VI, Thông điệp “Evangelii nuntiandi - Loan báo Tin Mừng”, số 41.

LỜI CẦU NÀO CHO TÀ QUYỀN?

Cát Nguyên

“Mọi giá trị xã hội đều nằm sẵn trong phẩm giá con người, và chúng tạo điều kiện cho con người được phát triển thực sự. Các giá trị chủ yếu ấy là sự thật, tự do, công bằng và yêu thương. Đem các giá trị ấy ra thực hành chính là phương cách chắc chắn và cần thiết để cá nhân được hoàn thiện và cuộc sống xã hội được nhân bản hơn. Các giá trị ấy chính là điểm tham chiếu không thể thiếu cho chính quyền vì họ là những người được mời gọi hãy tiến hành “cải cách có thực chất các cơ cấu kinh tế, chính trị, văn hoá và công nghệ, đồng thời tạo ra những thay đổi cần thiết trong các định chế” (Trích số 197, sách Tóm lược Giáo Huấn Xã Hội Công Giáo. Phần tô đậm do tác giả bài viết nhấn mạnh).

Chúng ta hãy theo hướng dẫn của Giáo hội để Xem và Xét cách ứng xử của những người đang nắm quyền tại Việt Nam hiện nay.

- Sự thật có được tôn trọng không?
- Tự do có được tôn trọng không?
- Công bằng có được tôn trọng không?

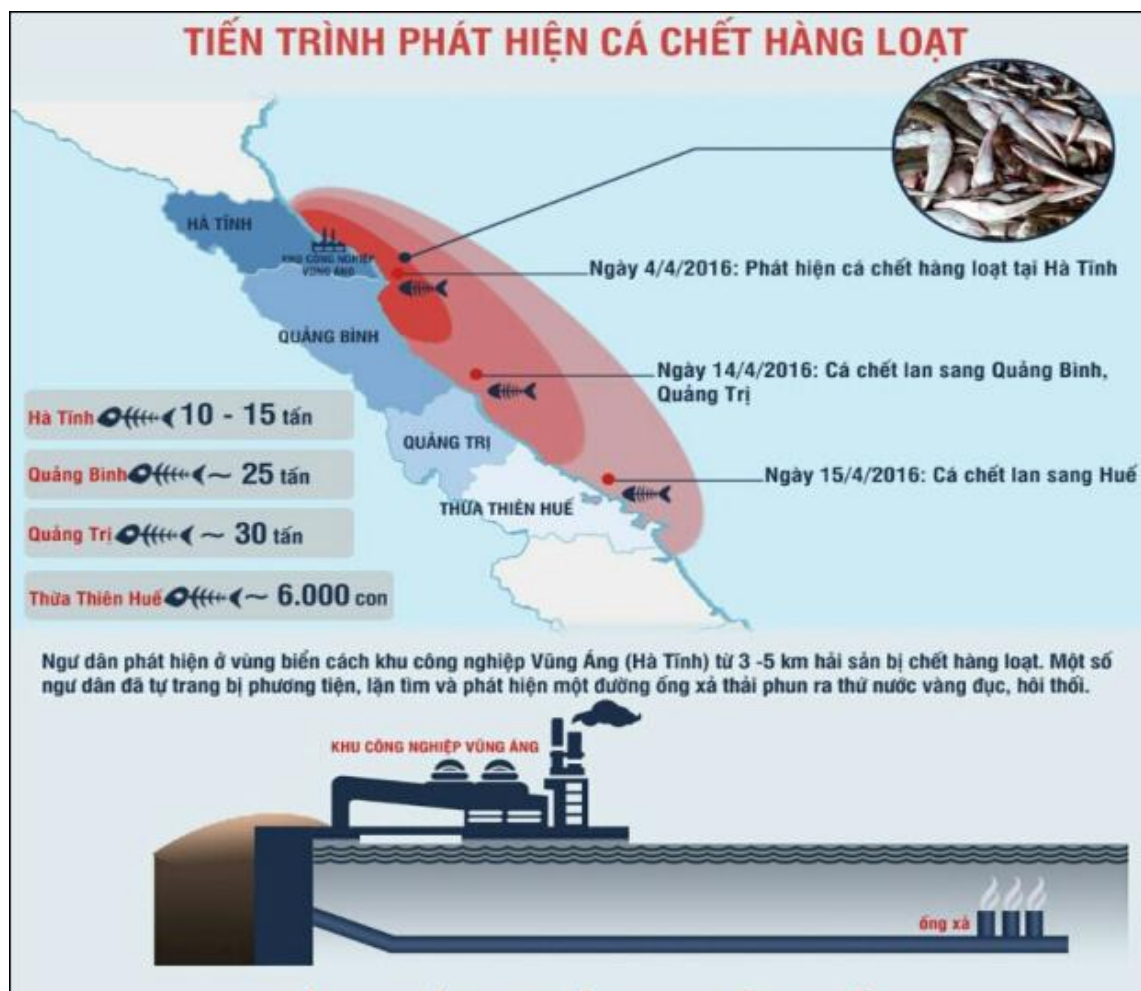
Ba giá trị trên xin mời độc giả tự xử dụng những điều mỗi người chúng ta biết để Xem, Xét và có câu trả lời cho riêng mình.

Xem—Xét

Tác giả chỉ xin thử lướt qua vài sự kiện có liên quan đến giá trị thứ tư.

- Tình yêu có được tôn trọng và sử dụng không?

Từ tháng 4/2016 nổi lên thảm họa cá chết. Cá tăng sâu chết với số lượng lớn mà không rõ nguyên nhân trôi dạt vào bãi biển, bắt đầu từ bãi biển Vũng Áng, Kỳ Anh, sau kéo ra dọc 200km bờ biển suốt 4 tỉnh miền Trung, tóm tắt trong sơ đồ sau:



Nguồn Internet

Hàng chục ngàn gia đình ngư dân, thợ lặn, kinh doanh dịch vụ du lịch bãi biển suốt 4 tỉnh miền Trung lao đao, khốn khó vì mất sinh kế lẫn lo sợ cho an toàn tính mạng. Người dân khắp nước hoang mang, lo âu vì sự an toàn của nguồn cá biển, muối, mắmⁱⁱ cho bữa ăn hàng ngày của gia đình. Nhưng họ chờ mãi vẫn không nhận được một câu trả lời nào thỏa đáng từ những người chịu trách nhiệm, đang sống bằng tiền thuế họ đóng. Trong khi qua các cuộc trả lời phỏng vấn báo chí, có những nhà khoa học đã cho biết rằng chỉ cần 1 đến vài ngày là các phòng thí nghiệm tại Việt Nam có thể đưa ra kết quả xét nghiệmⁱⁱⁱ. Cả tháng trời đã trôi qua, vì vậy, vào các ngày 1/5, 8/5 và 15/5/2016 người dân sử dụng Quyền biểu tình của họ, ghi trong điều 25 Hiến Pháp năm 2013, để yêu cầu nhà cầm quyền minh bạch thông tin, để nói lên điều người dân cần, trong thái độ ôn hòa. Việc làm hoàn toàn hợp hiến.

Nhưng những người đang nắm quyền lực trong xã hội đã hành xử thế nào?

Dưới đây là hình ảnh tiêu biểu, thể hiện cách hành xử của nhà cầm quyền, trong rất nhiều hình ảnh tràn ngập trên internet.

Ngày 1/5/2016, tại thành phố Hồ Chí Minh, một trong những người biểu tình tuần hành bị đánh đổ máu đầu khi nhân viên công quyền ngăn chặn người dân thực thi quyền của mình.

Ngày 8/5/2016, hàng trăm người biểu tình bị xách cổ quăng lên xe buýt, đánh đập, chà đạp, nhục mạ trắng trợn giữa đường phố và trên các xe buýt che kín rèm, trước khi đưa về sân vận động Lam Sơn, thành phố Hồ Chí Minh giam giữ.



Nguồn Internet

Trong hình trên, hãy chú ý cách người mặc thường phục màu đen giật ngược chiếc nón bảo hiểm trên đầu người bị bắt để xiết chặt cổ thanh niên này, trong tình trạng thanh niên biểu tình đã bị khống chế, không đi bởi 2 người khác, trước sự thản nhiên chứng kiến của những người mặc cảnh phục (đây cũng là chứng cứ những người mặc thường phục đang đánh người là an ninh, công an).

Và ngày 15/5/2016, nhà cầm quyền rút kinh nghiệm, hình ảnh hầu như không còn có thể xuất hiện mô tả quang cảnh trấn áp, vì một lực lượng rất lớn thường phục lẫn sắc phục đã canh giữ nghiêm ngặt, ai giơ máy lên chụp đều bị bắt, bị bắt buộc xóa hết hình, ngay cả của du khách ngoại quốc nếu họ chụp hình quanh khu vực ấy, thậm chí có những người bị giam nhiều ngày sau đó theo cách “Tao là luật và luật cũng là tao”. Chỉ còn những video, những bài viết của những nạn nhân bị bạo hành sau đó, kể lại cách đánh đập, nhục mạ và ngang nhiên giam cầm người dân bất chấp luật pháp, của các nhân viên công quyền, sau khi họ được trả tự do^{iv}. Nạn nhân có thể là người tham gia biểu tình, nạn nhân cũng có nhiều người chưa hề có động thái tham gia biểu tình, mà chỉ vì xuất hiện ở khu vực ăn uống, sinh hoạt công cộng công viên 23/9, khu phố Tây ba lô, hay đi ngang qua thấy cảnh trấn áp giơ máy lên chụp lúc nhà cầm quyền muốn triệt tiêu mọi cơ hội tỏ thái độ của người dân ở đấy.

Khi những hình ảnh ấy đập vào mắt, đọc qua hay nghe qua lời kể của các nạn nhân có ai còn tính người mà lòng không tràn ngập nỗi xót xa, cay đắng?

Với tất cả những vụ việc vi phạm pháp luật một cách công khai như trên, có nhân viên công quyền nào bị trừng phạt không? Chưa hề thấy thông tin nào cho biết họ bị trừng phạt, ngược lại họ còn được khen thưởng:

Hãy tìm hiểu tiếp xem cách hành xử này có phổ biến không.

“226 người chết trong nhà tạm giam, tạm giữ trong ba năm. Những cái chết bất thường ấy được gói gọn trong hai lý do: Bệnh lý và tự sát. Trong đó, số chết vì tự sát nhiều hơn. Trả lời Quốc hội, đại diện ngành công an lại chia việc tự tử trong đồn làm hai loại “treo cổ và tự sát”. Điều đó khiến đại biểu Đỗ Mạnh Hùng phải hỏi ngược: “Vậy thì treo cổ là tự treo hay bị người khác treo?”. Báo Pháp Luật, tp HCM ngày 21/3/2015. Tạm giam, tạm giữ nghĩa là chưa có kết luận họ phạm tội mà họ đã phải nhận hậu quả thảm khốc như vậy.

Vậy chúng ta phải kết luận thế nào về cách hành xử phổ biến này của những người nắm quyền lực trong xã hội Việt Nam hiện nay? Cách hành xử này là một chủ trương từ những người nắm quyền lực ở cấp bậc cao, thậm chí cao nhất, họ ngồi trong phòng lạnh và xem máu của người dân, nhân phẩm của người dân là thứ hoàn toàn vô nghĩa, vô giá trị. Với những gì xảy ra liên tục trong thực tế chúng ta có thể hoàn toàn được phép suy đoán theo hướng ấy. Bây giờ, hãy cứ bỏ qua khía cạnh vi phạm pháp luật của họ, hãy nhìn, hãy đọc, hãy ngẫm nghĩ xem có chút tình yêu nào giữa con người với con người ở đây không?

Không! Những người nắm quyền lực máu lạnh!

Nhưng chúng ta, những người Tin vào Thiên Chúa lại cũng được nhắc nhở hàng ngày rằng những kẻ máu lạnh ấy là anh em cùng CHA với chúng ta.

Tôi liên tưởng đến hình ảnh một gia đình có những người con nghiện ma túy. Những thành viên, những anh em khác trong gia đình phải đau khổ triền miên vì sự cướp bóc, trán lột và bạo hành của những con nghiện. Chắc không ít lần họ nguyện rửa hoặc cầu xin cho những kẻ nghiện kia chết đi, biến mất đi cho họ thoát khổ. Chắc cũng có những lúc điên lên họ đập lại những kẻ nghiện kia với nỗi lòng căm hận. Nhưng cha mẹ già thì chỉ ...khổ đau. Khổ đau vì sự vô minh, sự tha hóa cùng cực của những người con nghiện ngập, lại tiếp tục khổ đau khi phải chứng kiến sự căm ghét, thù hận, đánh đập lẫn nhau giữa những đứa con trong nhà. Yêu đứa nào và bỏ đứa nào đây?!

Trên đất nước chúng ta hiện nay, những kẻ nắm quyền máu lạnh, những kẻ thừa hành ác độc chính là những con nghiện. Họ nghiện quyền lực, họ nghiện tiền bạc, họ nghiện cướp bóc, họ nghiện được thể hiện mình bằng cách chà đạp người khác dưới gót chân của họ. Quyền lực, tiền bạc, sự cướp bóc, nhu cầu thể hiện mình một cách bệnh hoạn đã thống trị con người họ, họ là những con người nô lệ, nên thiếu nhân tính.

“Mẹ ơi đoái thương xem nước Việt Nam”.

Làm

Đã rất nhiều công việc được biết bao người đã và đang cố gắng làm, để giải thoát những thành viên khốn khổ trong cái đất nước có những con nghiện ấy: Có những người, những cộng đoàn âm thầm xây dựng và bảo tồn nhân tính nơi cộng đồng, nhất

là cộng đồng những người trẻ. Có những ngàn người cùng nhau cầu nguyện cho người bị áp bức, bị chà đạp qua các thánh lễ. Có những cố gắng đương đầu để phá bỏ những thứ xấu xa. Nhưng còn một công việc nữa, có lẽ ít được quan tâm hơn: Cầu nguyện thiết tha, cầu nguyện kiên trì, cầu nguyện hết lòng và cầu nguyện chung, cho những con nghiện.

Làm sao chúng ta có thể cầu nguyện cho những kẻ máu lạnh đang coi sự đánh đập, chà đạp con người là bình thường, đang ngồi nơi nhà cao cửa rộng, cha mẹ, con cái, anh em ăn trên ngồi trước, sở hữu và sẵn sàng có nơi an toàn để cao chạy xa bay khỏi đất nước này, trong khi biến kẻ dưới quyền tội nghiệp, ít hiểu biết thành công cụ vô nhân tính phục vụ họ?!

Hình như chỉ có cách quay nhìn về trái tim tan nát của cha mẹ già trong gia đình khốn khổ.

Có thể, chúng ta không đủ sức để cầu nguyện cho những người anh em nghiện ngập vô nhân tính ấy xuất phát từ tình yêu thương họ, nhưng hướng về sự đau khổ, tan nát trái tim của “cha mẹ già” trong căn nhà khốn khổ ấy là Lòng Thương Xót Chúa Cha, là cơn suy sụp với mồ hôi máu của Chúa Con, thì chúng ta sẽ có đủ sức lực để cùng nhau, thiết tha, kiên trì cầu nguyện cho những con nghiện này.

Có lẽ “cha mẹ già” đang khao khát từ chúng ta những lời cầu xin tha thiết cho chính những đứa con hoang đàng nắm quyền ác độc.

Xin cho họ được giải thoát khỏi tình trạng nô lệ những loại nghiện ngập, xin cho họ được “khỏe mạnh” lại về phần tâm linh, xin cho họ ý thức phẩm giá làm Người của họ, xin cho họ nhận biết phận làm con Thiên Chúa của họ.

Khi họ được giải thoát, được tự do trước sự nghiện ngập thì cũng là lúc mọi thành viên gia đình được hưởng bình an. Lúc ấy, toàn thể gia đình bình an, hạnh phúc: chính những kẻ nghiện, cùng mọi người anh em, và vui nhất lúc ấy chắc chắn là “cha mẹ già” của tất cả chúng ta.

Lời cầu nguyện này, lời cầu nguyện xuất phát từ cái nhìn hướng về trái tim tan nát của “cha mẹ già”, vì vậy thiết tha từ đáy sâu tâm hồn cộng đồng chúng ta cùng Chúa Thánh Linh, xin giải thoát cho những người anh em nắm quyền lực đang nô lệ cho sự nghiện ngập tham lam, ác độc; có phải chính là lời cầu nguyện hợp ý THIÊN CHÚA CHA chúng ta?

ⁱ Đến ngày 20/5/2016 tình trạng đã phải báo động <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/kiem-tra-khan-cap-kim-loai-nang-trong-muoi-1006560.tpo>

ⁱⁱ<http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/15-tan-ca-thoi-tren-xe-vao-nam-3392077.html>

ⁱⁱⁱ<https://www.youtube.com/watch?v=1KcFw0WZ9Nw>

^{iv}http://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2016/05/160517_protest_detained_hcm_city



“Hơn bao giờ hết, tâm trí của con người thời đại hôm nay hình như muốn chống đối lại một Đấng Thiên Chúa giàu lòng xót thương, và quả thực họ có khuynh hướng loại trừ ra khỏi cuộc sống và gỡ bỏ khỏi cõi lòng con người chính ý tưởng về lòng thương xót. Từ ngữ và khái niệm ‘thương xót’ có vẻ khiến con người cảm thấy khó chịu, bởi lẽ, nhờ công cuộc phát triển vượt bậc về khoa học và kỹ thuật, một điều chưa từng xảy ra trong lịch sử, họ đã trở thành chủ ông của trái đất và đã khống chế được địa cầu. Quyền thống trị trái đất, đôi khi bị ngộ nhận một cách nông cạn và một chiều, có vẻ như không còn dành chỗ nào cho lòng thương xót. Chính vì vậy, trong hoàn cảnh hiện nay của Hội Thánh và thế giới, nhiều cá nhân và nhiều nhóm, nhờ được một cảm thức sống động về đức tin hướng dẫn, đang quy hướng về lòng thương xót của Thiên Chúa—tôi có thể nói là một cách tự phát—.”

(Trích Thông Điệp “Giàu Lượng Xót Thương—Dives in Misericordia”, số 2, của Thánh Gio-an Phaolô II, được Đức Thánh Cha Phan-xi-cô trích lại trong Tông Chiếu “Dung Mạo Lòng Thương Xót—Misericordiae Vultus”, số 11)